

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
PHÀ AN GIANG**



An Giang, tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	5
I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA PHÀ AN GIANG TRONG GIAI ĐOẠN CÁC NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	12
1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh.....	12
2. Nguyên vật liệu.....	17
3. Trình độ công nghệ.....	18
4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	18
5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ, quy chuẩn an toàn vận tải đường thủy nội địa.....	18
6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	19
7. Các hợp đồng lớn đang triển khai.....	19
8. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Phà An Giang trong các năm trước khi cổ phần hóa.....	19
9. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Phà An Giang trước khi cổ phần hóa.....	21
10. Vị thế của Công ty TNHH MTV Phà An Giang so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	22
III. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	23
1. Tài sản, nguồn vốn tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2018).....	23
2. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2018.....	25
3. Thực trạng về tài chính, công nợ tại thời điểm 31/12/2018.....	25
4. Diện tích các khu đất Công ty đang quản lý, sử dụng tại thời điểm 31/12/2018.....	27
5. Thực trạng về lao động tại thời điểm 31/12/2018.....	29
IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ.....	30
1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	30
2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp.....	30
3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	30
4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	35
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	37

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	37
1. Cơ sở pháp lý	37
2. Mục tiêu cổ phần hóa.....	39
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	39
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	39
1. Hình thức cổ phần hóa	39
2. Tên Công ty cổ phần.....	39
3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	40
4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá.....	41
5. Loại cổ phần và phương thức phát hành.....	45
6. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa và chi phí cổ phần hóa	46
7. Kế hoạch đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.....	50
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG.....	52
I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG.....	52
II. KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DÔI DƯ	53
III. CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ.....	54
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA.....	56
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	69
I. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.....	69
II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	69
III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN.....	69
IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÔNG TY	71
V. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	73
1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2024	73
2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2020 - 2024.....	74
VI. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN.....	75
VII. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN	75
1. Rủi ro về kinh tế.....	75
2. Rủi ro pháp lý	76
3. Rủi ro đặc thù.....	77

4. Rủi ro của đợt chào bán	78
5. Rủi ro khác	78
PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT	79
I. LỘ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	79
II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT	80
1. Đề xuất, kiến nghị	80
2. Kết luận	80

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ/giải thích nghĩa
BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
Công ty	Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang
DT	Doanh thu
ĐTXD	Đầu tư xây dựng
ĐVT	Đơn vị tính
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
KVNN	Khu vực nhà nước
LN	Lợi nhuận
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
PHÀ AN GIANG	Tên viết tắt của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang
QSDĐ	Quyền sử dụng đất
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân
XĐGTDN	Xác định giá trị doanh nghiệp

PHẦN I: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG
- Tên tiếng Anh : AN GIANG FERRY ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt : Công ty Phà An Giang
- Địa chỉ : Số 360 Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : 0296.3846379 - 3841919
- Fax : 02963842723
- Mã số thuế : 1600110119
- Email : congtyphaangiang@gmail.com



- Logo :
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 1600110119 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2018.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 437.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018¹ là: 359.784.047.877 đồng (Ba trăm năm mươi chín tỷ, bảy trăm tám mươi triệu, bốn mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng).
- Lĩnh vực kinh doanh: Vận tải, thương mại.
- Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Một Thành Viên Phà An Giang được chuyển đổi từ Công ty Phà An Giang theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 02/08/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện mục tiêu chủ yếu là cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch hàng năm, với ngành nghề kinh doanh chính là vận chuyển

¹ Nguồn: Căn cứ theo Báo cáo tài chính sau khi xử lý trước khi thực hiện XĐGTDN tại ngày 31/12/2018

hành khách, hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ ngang sông, đảm bảo giao thông được an toàn, thông suốt góp phần ổn định an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Các giai đoạn phát triển của Công ty như sau:

– **Giai đoạn 1997 đến 2000:**

Công ty được thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 07/12/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, là doanh nghiệp Nhà nước hạng II, chính thức đi vào hoạt động ngày 01/01/1997 trên cơ sở sáp nhập 04 Xí nghiệp phà (An Hòa, Năng Gù, Châu Giang, Cồn Tiên) và Xưởng Cơ khí Giao thông. Số vốn được giao ban đầu là 13 tỷ đồng, số lao động 186 người, Đảng bộ có 04 Chi bộ trực thuộc với 30 Đảng viên. Tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên và Hội Cựu chiến binh được thành lập năm 1997.

Đến năm 1999, Công ty tiếp nhận bến đò Quán Nhung và bến đò Thuận Giang. Để mở rộng hoạt động, Công ty đã đầu tư số tiền lên đến hơn 20 tỷ đồng xây dựng mới bến phà Thuận Giang.

Qua 4 năm hoạt động các chỉ tiêu hoạt động đều tăng trưởng so với năm 1997, về sản lượng hành khách, xe các loại tăng gấp 2 lần, doanh thu tăng 1,8 lần, lợi nhuận tăng 2,1 lần, lương bình quân tăng 1,4 lần. Số vốn hoạt động đạt trên 28 tỷ đồng và Công ty được công nhận là doanh nghiệp loại I.

– **Giai đoạn 2001 đến 2009:**

+ Tháng 1/2001: Công ty tiếp nhận bến đò Tân An.

+ Tháng 10/2002: Công ty tiếp nhận 02 đơn vị là Công ty vận tải Sông biển và Trạm thu phí tỉnh lộ 941.

+ Tháng 06/2005: Công ty tiếp nhận bến đò Ô Môi, Trà Ôn.

+ Tháng 01/2006: Công ty tiếp nhận bến đò Khánh Bình, chính thức thiết lập mạng lưới giao thông với 09 Bến phà rộng khắp tỉnh.

+ Năm 2007: thành lập thêm Xí nghiệp Dịch vụ Xây dựng công trình giao thông.

+ Năm 2008: Công ty góp vốn bằng tài sản của 03 đơn vị trực thuộc hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, vận tải sông và xây dựng giao thông để thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang.

Trong giai đoạn 2001-2009, Công ty thực hiện 21 Công trình, Dự án trọng điểm với tổng mức đầu tư trên 198 tỷ đồng, nhằm xây dựng mới các bến Phà Năng Gù, Châu Giang, Trà Ôn, Ô Môi, khôi phục bến phà An Hòa, xây dựng phân xưởng II tại Cột Dây Thép, huyện Chợ Mới,... Đặc biệt xây dựng hoàn thành cầu Ông Chưởng (thay thế bến đò Quán Nhung) đưa vào hoạt động năm 2002; cầu Cồn Tiên (thay thế bến phà Cồn Tiên) đưa vào hoạt động năm 2007, đây là cây cầu lớn của tỉnh tại thời điểm bấy giờ và cũng là tuyến trục nối với nước bạn Campuchia qua cửa khẩu Khánh

Bình, đã góp phần quan trọng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội địa phương và tỉnh An Giang.

– Giai đoạn 2010 đến 2016:

Tháng 10/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quyết định chuyển đổi Công ty Phà An Giang thành Công ty TNHH MTV Phà An Giang, 100% vốn Nhà nước.

Sau khi chuyển đổi, Công ty đã từng bước nghiên cứu, kiện toàn hệ thống quy chế, quy định, quy trình hoạt động phù hợp với pháp luật hiện hành. Đồng thời Công ty sắp xếp bộ máy, bố trí lao động hợp lý, đào tạo và đào tạo lại nguồn lao động chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu công tác trong tình hình mới.

Trong giai đoạn này, Công ty đã chủ động thực hiện 10 dự án đầu tư bến bãi với tổng kinh phí trên 29 tỷ đồng như: Xây dựng nâng cấp bến dự phòng phà An Hòa, bến dự phòng phà Thuận Giang, nâng cấp bãi chuỗi phà Tân An, phà Trà Ôn, thay cầu dẫn bến An Hòa, bến Châu Giang, xây dựng mới phà Mương Ranh. Bên cạnh đó, Công ty đầu tư 49 tỷ đồng để phục vụ công tác đổi mới công nghệ, hoán cải nâng cấp 21 phương tiện phà có tải trọng từ 30 tấn đến 100 tấn và bổ sung thêm một số phà từ các đơn vị khác trong khu vực. Việc mạnh dạn đầu tư đã giúp Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ, phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu đi lại của hành khách, phương tiện trong tình hình mới.

– Giai đoạn 2017 đến nay:

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020 và Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/09/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Công ty đang triển khai công tác thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp và cổ phần hóa.

Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang.

Các thành tích đạt được trong quá trình hoạt động:

Từ những đóng góp trong quá trình hoạt động Công ty đã vinh dự được nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- Huân chương Lao động hạng nhì (2001)
- Huân chương Lao động hạng nhất (2006)
- Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (2008)
- Huân chương Độc lập hạng 3 (2013) cùng nhiều danh hiệu cao quý khác.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết:</i> <ul style="list-style-type: none">- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy	5222
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết: Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống,...)</i>	4210
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận tải hàng hóa và phương tiện giao thông đường bộ</i>	4933
4	Đóng tàu và cầu kiện nổi <i>Chi tiết:</i> <ul style="list-style-type: none">- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt	3011
5	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
6	Giáo dục nghề nghiệp <i>Chi tiết: Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động)</i>	8532
7	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác <i>Chi tiết: Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi</i>	4390
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết: Thu phí cầu đường</i>	5221
9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, nhớt</i>	4661
10	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, xe cơ giới, thiết bị</i>	7730

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>thi công (công trình cơ khí)</i>	
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, bến bãi, nhà xưởng</i>	6810
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Mua bán sắt, thép, thép đóng tàu</i>	4662
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán phế liệu sắt, thép</i>	4669
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán sơn các loại</i>	4663

4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Phà An Giang bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ.
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Một số hình ảnh về hoạt động kinh doanh của Công ty:





5. Cơ cấu tổ chức và quản lý tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

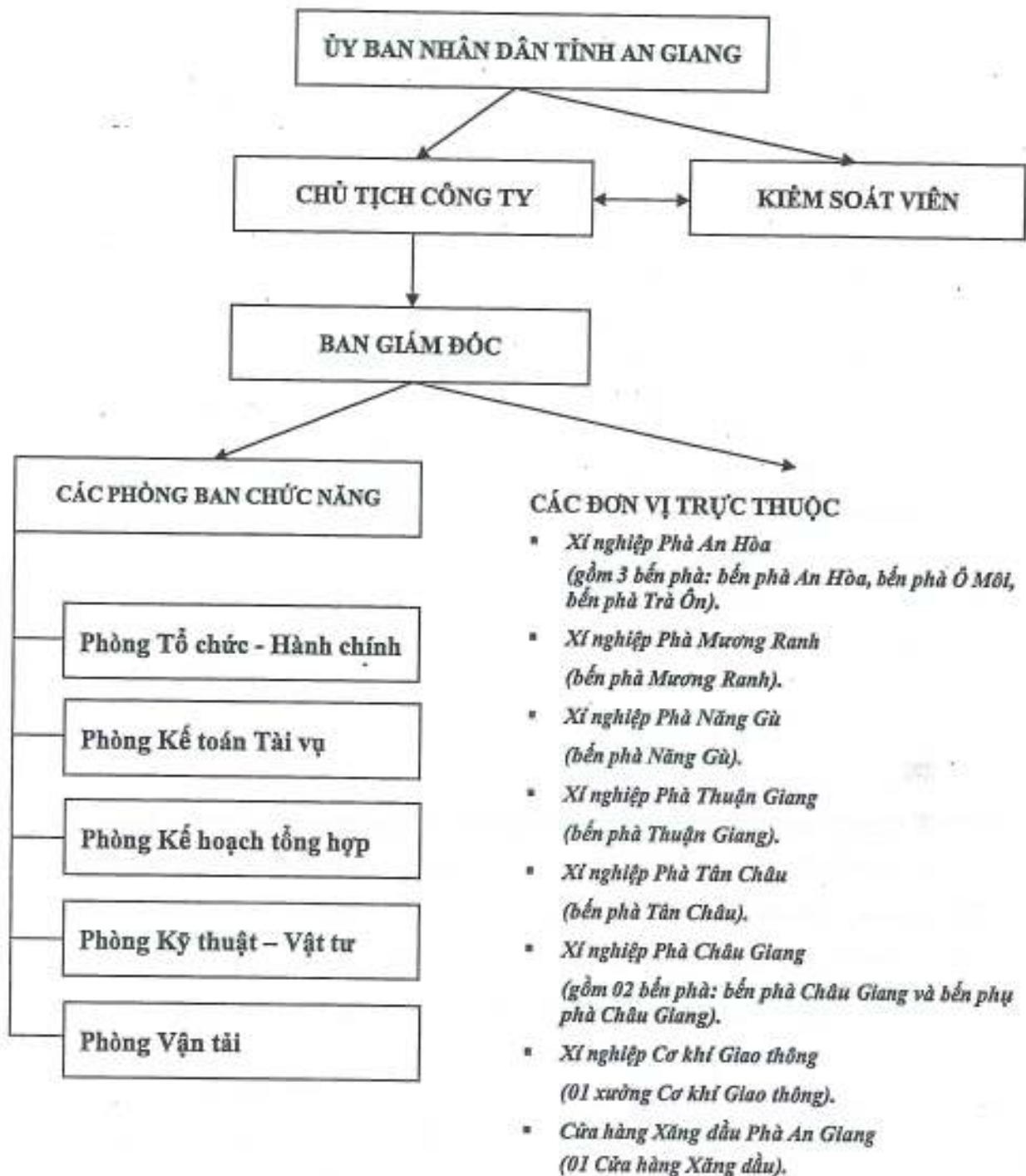
Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc;
- Các phòng chức năng:
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán Tài vụ;
 - + Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
 - + Phòng Kỹ thuật - Vật tư;
 - + Phòng Vận tải.
- Các đơn vị trực thuộc:
 - + Xí nghiệp Phà An Hòa (gồm 3 bến phà: bến phà An Hòa, bến phà Ô Môi, bến phà Trà Ôn);
 - + Xí nghiệp Phà Mương Ranh (bến phà Mương Ranh);
 - + Xí nghiệp Phà Năng Gù (bến phà Năng Gù);
 - + Xí nghiệp Phà Thuận Giang (bến phà Thuận Giang);
 - + Xí nghiệp Phà Tân Châu (bến phà Tân Châu);
 - + Xí nghiệp Phà Châu Giang (gồm 02 bến phà: Bến phà Châu Giang và bến phụ phà Châu Giang);
 - + Xí nghiệp Cơ khí Giao thông (01 xưởng cơ khí giao thông);

+ Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang (01 cửa hàng xăng dầu).

Với cơ cấu như trên, bộ máy tổ chức của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG



6. Danh sách công ty con, công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác

6.1. Danh sách công ty con

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2018), Công ty có 01 Công ty con là Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang.

- Địa chỉ: Số 360 đường Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Hoạt động kinh doanh chính: hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, đóng tàu và cầu kiện nổi, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ,...
- Vốn điều lệ: 35.068.500.000 đồng
- Giá trị góp vốn của Phà An Giang: 25.000.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu là 71,29% vốn điều lệ.
- Giá trị khoản góp vốn sau khi trích lập dự phòng là: 15.318.259.635 đồng.
- Tình hình khoản đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang đã được giải thể theo Nghị quyết số 20/NQ-ADI ngày 10/05/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang. Giá trị khoản góp vốn của Phà An Giang vào công ty con được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 18.225.795.000 đồng.

Tính đến 31/12/2019, Công ty không còn ghi nhận khoản góp vốn vào công ty con nữa.

6.2. Danh sách công ty liên doanh, liên kết

Không có.

6.3. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Không có.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA PHÀ AN GIANG TRONG GIAI ĐOẠN CÁC NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh

1.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Sản lượng sản phẩm dịch vụ phân theo các đơn vị trực thuộc:

STT	Đơn vị	ĐVT	Sản lượng			
			2016	2017	2018	2019
1	Bến An Hòa		15.382.597	14.937.402	15.899.904	15.011.760
	Hành khách + xe các loại	lượt	15.091.098	14.658.544	15.452.356	14.686.954

STT	Đơn vị	ĐVT	Sản lượng			
			2016	2017	2018	2019
	Hàng hóa	tấn	291.499	278.858	447.548	324.806
2	Bến Trà Ôn		2.643.748	2.561.253	2.699.055	3.058.537
	Hành khách + xe các loại	lượt	2.634.329	2.545.741	2.678.727	3.037.680
	Hàng hóa	tấn	9.419	15.512	20.328	20.857
3	Bến Ô Môn		398.498	353.947	341.838	287.260
	Hành khách + xe các loại	lượt	398.498	353.947	341.838	287.260
	Hàng hóa	tấn	0	0	0	0
4	Bến Năng Gù		2.607.702	2.612.562	2.755.123	2.953.792
	Hành khách + xe các loại	lượt	2.517.990	2.511.425	2.634.220	2.815.166
	Hàng hóa	tấn	89.712	101.137	120.903	138.626
5	Bến Châu Giang		7.522.484	7.647.045	8.107.809	8.255.852
	Hành khách + xe các loại	lượt	7.355.716	7.478.355	7.939.219	8.089.979
	Hàng hóa	tấn	166.768	168.690	168.590	165.873
6	Bến Khánh Bình (*)		104.963	15.083	0	0
	Hành khách + xe các loại	lượt	102.898	14.357	-	-
	Hàng hóa	tấn	2.065	726	-	-
7	Bến Phụ Châu Giang		0	0	99.475	87.081
	Hành khách + xe các loại	lượt			99.475	87.081
	Hàng hóa	tấn			0	-
8	Bến Tân An		1.721.407	1.664.819	1.701.686	401.699

STT	Đơn vị	ĐVT	Sản lượng			
			2016	2017	2018	2019
	Hành khách + xe các loại	lượt	1.676.681	1.620.230	1.640.915	395.471
	Hàng hóa	tấn	44.726	44.589	60.771	6.228
9	Bến Tân Châu		3.811.013	3.308.118	3.235.571	3.048.395
	Hành khách + xe các loại	lượt	3.718.463	3.206.283	3.090.488	2.890.641
	Hàng hóa	tấn	92.550	101.835	145.083	157.754
10	Bến Thuận Giang		4.145.323	4.040.471	3.979.461	4.020.234
	Hành khách + xe các loại	lượt	4.050.684	3.952.546	3.881.378	3.898.573
	Hàng hóa	tấn	94.639	87.925	98.083	121.661
11	Bến Mương Ranh		1.149.557	1.430.150	1.583.736	1.721.791
	Hành khách + xe các loại	lượt	1.133.331	1.405.790	1.561.738	1.688.789
	Hàng hóa	tấn	16.226	24.360	21.998	33.002
12	Cửa hàng Xăng dầu		823.815	1.107.010	1.134.639	980.385
	Xăng	lít	658.678	757.372	903.916	800.462
	Dầu nhớt	lít	165.137	349.638	230.723	179.923

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Ghi chú: (*) Từ tháng 8/2017, Bến phà Khánh Bình đã chấm dứt hoạt động.

Sản lượng sản phẩm/dịch vụ của toàn Công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019
1	Hành khách, xe các loại	lượt	38.679.688	37.747.220	39.320.354	37.877.594
2	Hàng hóa	tấn	807.604	823.630	1.083.304	968.807
3	Xăng dầu	lít	823.815	1.107.010	1.134.639	980.385

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

1.2. Cơ cấu doanh thu theo hoạt động các năm trước cổ phần hóa

TT	Doanh thu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	DT hoạt động	175.386	96,04	182.055	97,08	200.401	97,78	190.401	96,95
a	Vận chuyển phà	163.085	89,31	164.440	87,68	179.908	87,78	173.080	88,13
b	Cửa hàng Xăng - Dầu	11.552	6,33	17.144	9,14	20.273	9,89	17.011	8,66
c	Hoạt động đào tạo	749	0,41	471	0,25	220	0,11	310	0,16
2	DT hoạt động tài chính	6.497	3,56	4.537	2,42	2.672	1,30	2.930	1,49
3	DT khác	730	0,4	945	0,50	1.873	0,91	3.051	1,55
	Tổng cộng	182.613	100,00	187.537	100,00	204.946	100,00	196.382	100,00

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Doanh thu chính của Công ty là hoạt động vận chuyển phà chiếm từ 87,68% - 89,31% tổng doanh thu, tiếp đến là doanh thu từ cửa hàng xăng dầu chiếm từ 6,33% - 9,89% tổng doanh thu, hoạt động tài chính chiếm từ 1,30% - 3,56% tổng doanh thu và các hoạt động còn lại đóng góp tỷ trọng không đáng kể.

1.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh các năm trước cổ phần hóa như sau:

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu
Giá vốn hàng bán	152.346	83,43%	170.985	91,17%	187.019	91,25%	181.206	92,27%
Chi phí tài chính	2.466	1,35%	-1.197	-0,64%	-881	-0,43%	-2.613	-1,33%
Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.892	8,15%	14.895	7,94%	15.880	7,75%	15.977	8,14%
Chi phí khác	140	0,08%	31	0,02%	291	0,14%	493	0,25%
Tổng cộng	169.844	93,01%	184.714	98,49%	202.308	98,71%	195.063	99,33%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Về cơ cấu chi phí sản xuất của Phà An Giang, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu dao động từ 83,43% - 92,27%, tiếp đến là chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm từ 7,75% - 8,15% tổng doanh thu. Các khoản mục chi phí còn lại chiếm tổng tỷ trọng thấp, không đáng kể. Trong năm 2017, 2018 và 2019, Công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với giá trị lần lượt là 1.554 triệu đồng, 1.126 triệu đồng và 9.682 triệu đồng nên dẫn đến chi phí tài chính năm 2017, 2018 và 2019 bị âm. Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty so với tổng doanh thu khá cao.

1.4. Cơ cấu lợi nhuận gộp và lợi nhuận hoạt động của Công ty

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo hoạt động các năm trước cổ phần hóa:

STT	Đơn vị	Lợi nhuận gộp (triệu đồng)			
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Bến An Hòa	18.778	16.461	20.508	14.792
2	Bến Trà Ôn	4.281	2.304	2.610	3.596
3	Bến Ô Môi	(1.959)	(2.724)	(1.942)	(2.010)
4	Bến Năng Gù	(1.955)	(2.897)	(3.346)	(1.551)
5	Bến Châu Giang	8.997	10.210	10.763	10.412
6	Bến Khánh Bình	(930)	(727)	-	-
7	Bến Phụ Châu Giang	-	(645)	(624)	(981)
8	Bến Tân An	2.677	1.637	1.175	(67)
9	Bến Tân Châu	(2.894)	(8.189)	(9.857)	(10.263)
10	Bến Thuận Giang	1.926	674	(449)	(232)
11	Bến Mương Ranh	(5.513)	(5.087)	(5.077)	(3.669)
12	Cửa hàng Xăng dầu	(968)	(258)	(510)	(1.003)
13	Liên kết đào tạo	601	348	133	172
14	Xí nghiệp Cơ khí Giao thông	-	(36)	-	-
Tổng cộng		23.041	11.071	13.384	9.195

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Tổng lợi nhuận Công ty các năm trước cổ phần hóa:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.767.626.704	2.354.339.341	2.638.146.884	1.318.168.292
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.576.353.741	475.553.028	527.629.377	272.248.664

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.191.272.963	1.878.786.313	2.110.517.507	1.045.919.628

Nguồn: Báo cáo tài chính 2016 – 2019 đã kiểm toán của Công ty TNHH MTV Phà An Giang

2. Nguyên vật liệu

2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chủ yếu cho hoạt động của Công ty là: Xăng dầu (phần lớn dầu Diesel), vật tư thiết bị,...

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty:

STT	Danh sách nhà cung cấp chính	Nguồn nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông (PetroMekong) - Chi nhánh An Giang	Xăng RON 95-III. Xăng E5 RON 92-II. DO 0.05S-II
2	Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Song Long	Máy, hộp số và phụ tùng
3	Công TNHH Tân Nam Đô	Que hàn
4	Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	Máy và phụ tùng máy
5	Công ty TNHH TM & DV HTT Phi Long	Thiết bị lái thủy lực
6	Hộ kinh doanh Liên Sanh	Chân vịt
7	Công ty TNHH MTV Cơ khí Thao Nhân	Chân vịt
8	Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Mai	Thép các loại
9	Công ty TNHH TM Thép Nam Việt	Thép các loại
10	Công ty TNHH tư vấn TM & DV Đại An	Thép các loại
11	Công ty TNHH TM & DV Đức Thành	Thép các loại
12	Công ty TNHH TM & DV Phước Thành	Thép các loại
13	Công ty CP Cơ khí An Giang	Thép các loại
14	Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Nhớt, Gas
15	Công TNHH Thiết bị Nông nghiệp Minh Phước Thịnh	Nhớt
16	Cửa hàng Lý Biều	Thiết bị điện
17	Công ty TNHH Phú Quý	Thiết bị điện
18	Công ty Cổ phần ĐT TM & XNK Long Giang	Thiết bị điện
19	Công ty TNHH TM TB Việt Long	Bulonse

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

2.2. Sự ổn định của nguồn nhiên liệu, vật tư, thiết bị

Chi phí nhiên liệu, vật tư chiếm tỷ trọng khá cao so với tổng chi phí sản xuất

kinh doanh của Công ty. Chi phí nhiên liệu hoạt động phà trong năm 2018 là 43,2 tỷ đồng; khoản chi phí này của năm 2019 là 37,6 tỷ đồng (so với năm 2018 đã giảm 12,96%, tương đương giảm 5,6 tỷ đồng). Tình hình giá nhiên liệu để vận hành phà tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hỗ trợ cho khai thác vận hành phà, năm 2015 Công ty đã thành lập 01 Cửa hàng Xăng dầu nhằm trực tiếp cung cấp nhiên liệu cho phà hoạt động đồng thời thực hiện kinh doanh bán lẻ xăng dầu cho khách. Hoạt động của Cửa hàng xăng dầu đã đóng góp rất tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

Nhìn chung, nguồn nhiên liệu và vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty là tương đối ổn định và Công ty chủ động được nguồn nhiên liệu, vật tư thiết bị trong hoạt động kinh doanh.

3. Trình độ công nghệ

Cùng với sự phát triển của Công ty, các giải pháp kỹ thuật cũng được nghiên cứu để phù hợp hơn trong hoạt động như: cải tiến hệ thống thủy lực nâng hạ cầu phà và chuyển hệ thống lái cơ sang hệ thống lái thủy lực để giảm sức lao động và đảm bảo chính xác an toàn trong vận hành phà, hệ thống căng xích neo ponton để giảm biên dao động khi phà cập bến đã giúp ponton có thể tiếp nhận được phà 200 tấn an toàn mà không làm hư hỏng gối đỡ cầu di động...

Căn cứ trên các tiêu chí an toàn hoạt động vận hành phà trong các văn bản pháp luật liên quan và điều kiện thực tiễn của đơn vị, Công ty đã xây dựng ban hành Quy định quản lý hoạt động vận tải phà nhằm chuẩn hóa và đồng bộ các quá trình hoạt động trong vận hành khai thác phục vụ hành khách an toàn, nhanh chóng, hiệu quả và văn minh.

4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải phà nên Công ty sẽ tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ hành khách qua việc xây dựng Quy tắc ứng xử trong hoạt động vận hành phà. Công ty sẽ đầu tư nâng cấp các bến phà hiện hữu từ bãi chuỗi thành bến có ponton – cầu dẫn để an toàn trong hoạt động, triển khai đóng mới và nâng cấp phương tiện phà để đảm bảo năng lực phục vụ ứng với sự phát triển thêm các bến phà theo sông Hậu và sông Tiền và tốc độ tăng sản lượng hành khách qua phà trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ thực hiện đầu tư nâng cấp nhà xưởng, thiết bị của Xí nghiệp Cơ khí để đóng mới, sửa chữa nâng cấp các phương tiện và hệ thống ponton cầu dẫn theo hướng tăng dần tải trọng khai thác. Cơ cấu lại giá vé theo hướng sáp nhập và đơn giản hóa các chủng loại vé để thuận tiện trong công tác bán, soát vé và quản lý sản lượng, doanh thu.

5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ, quy chuẩn an toàn vận tải đường thủy nội địa

Cùng với hệ thống quản lý chất lượng chính của Công ty là Quy định về quản lý hoạt động vận tải phà thì Công ty đang sử dụng hệ thống camera giám sát để kiểm tra

các hoạt động của từng công đoạn phục vụ hành khách tại các đơn vị trực thuộc. Hiện nay, Công ty đang triển khai ứng dụng phần mềm để kiểm soát sản lượng qua phà tại các bến chủ đạo, trong thời gian tới sẽ áp dụng cho toàn bộ các bến phà trực thuộc. Mặt khác, sắp tới Công ty sẽ triển khai Dự án soát vé tự động để tiết kiệm nhân lực và tăng tính hiệu quả trong hoạt động thu phí.

Đối với các quy chuẩn an toàn trong hoạt động vận hành, hiện nay Công ty đã xây dựng lồng ghép vào trong quy định về Quản lý hoạt động vận tải phà, tuy nhiên với sự phát triển của công nghệ đã và đang áp dụng tại Công ty, trong thời gian tới Công ty sẽ cải tiến các quy chuẩn phù hợp dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật và tính đặc thù của hệ thống nhằm tăng tính an toàn trong vận hành, khai thác.

6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- **Biểu tượng Công ty:** Hiện tại Công ty Phà An Giang đang sử dụng logo bên dưới làm biểu tượng cho chất lượng và thương hiệu của Công ty và chưa đăng ký bảo hộ tại Việt Nam. Do đó, sau khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty sẽ thực hiện thiết kế mẫu logo mới phù hợp với hoạt động và đặc trưng của Công ty.



7. Các hợp đồng lớn đang triển khai

- Công ty TNHH MTV Phà An Giang thực hiện mục tiêu chủ yếu là cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch hàng năm, với ngành nghề kinh doanh chính là vận chuyển hành khách, hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ ngang sông, đảm bảo giao thông được an toàn, thông suốt góp phần ổn định an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó, Công ty không phát sinh các Hợp đồng cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác.

8. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Phà An Giang trong các năm trước khi cổ phần hóa

Số liệu chi tiết được tóm tắt ở bảng dưới:

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	380.738	384.271	390.781	376.976
- Tài sản ngắn hạn	164.606	94.314	75.072	56.866
- Tài sản dài hạn	216.132	289.957	315.709	320.110

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Vốn Chủ sở hữu	360.139	360.224	359.784	360.748
- Vốn chủ sở hữu	360.139	360.224	359.784	360.748
- Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
Nợ phải trả	20.598	24.048	30.998	16.228
- Nợ ngắn hạn	13.602	18.772	25.053	9.564
Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-	-
- Nợ dài hạn	6.996	5.276	5.945	6.664
Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-	-
Nợ phải thu	36.180	20.304	1.969	3.348
- Phải thu ngắn hạn	36.180	20.304	1.969	3.348
Trong đó: nợ khó đòi	-	-	74	74
- Phải thu dài hạn	-	-	-	-
Trong đó: nợ khó đòi	-	-	-	-
Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu thuần và các khoản thu nhập	182.613	187.536	204.946	196.382
Tổng chi phí	169.845	185.182	202.308	195.064
Tổng tài sản	380.738	384.271	390.781	376.976
Lợi nhuận trước thuế	12.768	2.354	2.638	1.318
Lợi nhuận sau thuế	10.191	1.879	2.111	1.046
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	2,83%	0,52%	0,59%	0,28%
Chỉ tiêu khác				
Tổng số lao động (người)	595	630	588	529
Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (triệu đồng)	8,0	8,0	8,6	8,6

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Một số chỉ tiêu tài chính các năm trước cổ phần hóa của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	12,10	5,02	3,00	5,95
- Hệ số thanh toán nhanh	11,34	4,37	2,46	4,55
- Hệ số thanh toán bằng tiền	8,66	3,29	1,83	2,11

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,05	0,06	0,08	0,04
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,07	0,09	0,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	16,82	16,21	16,38	16,06
- Vòng quay tổng tài sản	0,46	0,48	0,53	0,51
- Vòng quay tài sản cố định	1,12	1,46	1,97	2,34
- Vòng quay các khoản phải thu	3,09	6,42	18,41	74,03
- Vòng quay các khoản phải trả	8,13	8,15	7,23	8,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	5,58%	1,00%	1,03%	0,53%
- Hệ số lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần (ROS)	12,62%	5,90%	6,53%	4,68%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,67%	1,02%	0,53%	(0,63%)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	2,83%	0,52%	0,59%	0,29%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	2,68%	0,49%	0,54%	0,27%

Nguồn: Tổng hợp trên số liệu BCTC kiểm toán giai đoạn 2016 – 2019² của Phà An Giang

9. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Phà An Giang trước khi cổ phần hóa

9.1. Thuận lợi

- Sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, sự hỗ trợ của các sở ngành trong hoạt động của Công ty;
- Sự nỗ lực, đóng góp của toàn thể người lao động Công ty. Nhân sự phục vụ ngành phà có thâm niên, tay nghề cao, có truyền thống gắn bó với nghề nghiệp, tận tâm tận lực trong công tác;
- Ngành nghề hoạt động chủ yếu là phục vụ nhu cầu đi lại của người dân ở địa phương nên sản lượng thực hiện hàng năm ổn định và tăng trưởng nhẹ;

² Ghi chú: Riêng năm 2018, số liệu tài sản và nguồn vốn tại 31/12/2018 được lấy từ Báo cáo tài chính sau khi xử lý tài chính trước khi thực hiện XDGTĐN của Phà An Giang.

- Sự phục hồi của nền kinh tế và những chủ trương xúc tiến thương mại phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long tạo thuận lợi trong việc cung cấp dịch vụ của Công ty.

9.2. Khó khăn

- Với đặc điểm ngành nghề, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm không cao, nên không đột phá về tăng trưởng, bên cạnh đó sự cạnh tranh của các bến phà tư nhân làm giảm sản lượng, doanh thu đáng kể;
- Một số bến phà hiện tại có mặt bằng bến bãi hạn chế như: Bến Trà Ôn, Tân Châu, Châu Giang, mặc dù các đơn vị đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành nhưng vào những giờ cao điểm trong những ngày có lễ hội vẫn có ùn ứ cục bộ cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ;
- Chi phí đầu vào tăng hàng năm, trong khi sản lượng chỉ tăng trưởng nhẹ theo tự nhiên (chưa kể một số bến không tăng trưởng mà bị sụt giảm do bến dò tư nhân đầu tư mở rộng qui mô), giá dịch vụ phà chưa được điều chỉnh tăng kịp thời so với mặt bằng, chi phí đầu vào tăng dẫn đến kết quả hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng;
- Đối với các bến đặc thù như bến phụ Châu Giang, Mương Ranh, Ô Môi hoạt động chủ yếu nhằm phục vụ yêu cầu chính trị - xã hội, đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân nên không có hiệu quả kinh tế;
- Ảnh hưởng của hiện tượng sạt lở, bồi lắng nên hàng năm vào mùa khô hầu hết các bến phà bị vướng cạn gây khó khăn trong quá trình hoạt động;
- Năng lực phương tiện vẫn chưa đáp ứng nhu cầu vận chuyển trong giai đoạn phát triển của địa phương.

10. Vị thế của Công ty TNHH MTV Phà An Giang so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH MTV Phà An Giang được thành lập từ năm 1997 trên cơ sở sáp nhập 04 Xí nghiệp phà gồm: An Hòa, Năng Gù, Châu Giang, Cồn Tiên. Công ty TNHH MTV Phà An Giang là Doanh nghiệp nhà nước, với nhiệm vụ chính yếu là vận tải hành khách, hàng hóa và phương tiện giao thông đường bộ ngang sông. Từ một đơn vị nhỏ, năng lực hoạt động chỉ 21 phương tiện phà nhỏ, lạc hậu. Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Công ty đã đầu tư nâng cấp, đóng mới đến nay đã có được tổng số 53 phương tiện phà theo tiêu chuẩn ngành với trọng tải từ 30 + 200 tấn, bố trí hoạt động khai thác ở 08 bến phà trực thuộc, công tác phục vụ đáp ứng được yêu cầu, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực. Một số chỉ tiêu chính về sản lượng phục vụ của Công ty qua các mốc giai đoạn:

DVT: lượt

Chỉ tiêu	1997	2000	2005	2010	2015	2019
Hành khách	7.660.333	11.213.414	21.631.441	30.017.406	32.836.266	31.619.524
Xe các loại	171.842	259.877	747.463	1.689.839	1.963.388	2.650.843

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

An Giang là tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long, có hệ thống giao thông thủy, bộ thuận tiện và là một phần của mạng lưới giao thông liên vùng quan trọng của quốc gia và quốc tế. Là tỉnh biên giới có các cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, Vĩnh Xương và Long Bình giúp việc giao thương hàng hóa nội địa qua nước bạn rất tiện lợi.

Mặc dù cầu Vàm Cống, cầu Cao Lãnh,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng xe các loại qua các bến phà trên tuyến liên tỉnh, nhưng với điều kiện tự nhiên đặc thù có Sông Tiền, sông Hậu chảy song song từ Tây Bắc xuống Đông Nam trong địa phận của tỉnh, dài gần 100 km với nhiều bến khách ngang sông, nhu cầu giao thương hàng hóa ngày càng cao từ các địa phương trong tỉnh đi Campuchia, TP Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận là triển vọng phát triển của đơn vị trong thời gian tới.

10.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Với những thế mạnh và triển vọng trên, công ty đã xác định mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ bằng cách hiện đại bến bãi và phương tiện phà. Cụ thể là đầu tư hoán cải, đóng mới các phà 2 lườn, nâng tải trọng phương tiện phà hiện hữu, áp dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động vận tải và quản lý điều hành, xây dựng nâng cấp các bến theo kết cấu ponton-cầu dẫn tải trọng lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ an toàn cho các loại phương tiện cơ giới lớn. Với ưu thế là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần, công ty có được nhiều sự quan tâm hỗ trợ của UBND tỉnh và các sở ngành liên quan giúp công ty mở rộng quy mô hoạt động đến từng địa phương trong tỉnh, thay thế dần các bến nhỏ thành các bến phà quy mô lớn để đảm bảo phục vụ hành khách an toàn. Do quản lý số lượng phương tiện phà lớn, nên công ty sẽ đầu tư nâng cấp, mở rộng Xí nghiệp Cơ khí giao thông; phát triển lĩnh vực liên kết đào tạo Thuyền, máy trưởng tàu sông; mở rộng kinh doanh thêm các mảng dịch vụ cung cấp nhiên liệu, mua bán vật tư, phụ tùng cơ khí; v.v.. hỗ trợ cho hoạt động chính, giảm bớt chi phí đầu vào và kinh doanh phục vụ thị trường trong và ngoài tỉnh nhằm tăng hiệu quả hoạt động Công ty.

III. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tài sản, nguồn vốn tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2018)

Thực trạng về tài sản, nguồn vốn của Công ty theo Báo cáo tài chính sau khi xử lý tài chính trước khi thực hiện XDGTĐN tại thời điểm 31/12/2018 của Phà An Giang như sau:

a) Tài sản

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2018)
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	75.072.402.598
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	45.700.457.214

STT	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2018)
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.968.999.359
4	Hàng tồn kho	11.895.731.043
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.507.214.982
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	315.709.177.837
1	Các khoản phải thu dài hạn	0
2	Tài sản cố định	84.280.873.737
3	Tài sản dở dang dài hạn	213.270.675.821
4	Đầu tư tài chính dài hạn	15.318.259.635
5	Tài sản dài hạn khác	2.839.368.644
I+II	TỔNG TÀI SẢN	390.781.580.435

b) Nguồn vốn

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2018)
I	NỢ PHẢI TRẢ	30.997.532.558
1	Nợ ngắn hạn	25.052.627.089
2	Nợ dài hạn	5.944.905.469
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	359.784.047.877
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	359.784.047.877
2	Quỹ đầu tư phát triển	0
I+II	TỔNG NGUỒN VỐN	390.781.580.435

2. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

DVT: đồng

STT	Hạng mục	Số liệu sổ sách kế toán		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	323.530.234.841	(236.657.002.076)	86.873.232.765
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	68.238.725.852	(25.966.754.853)	42.271.970.999
1.2	Máy móc, thiết bị	3.188.358.924	(1.740.329.351)	1.448.029.573
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	250.721.099.345	(207.689.202.506)	43.031.896.839
1.4	Thiết bị quản lý	1.382.050.720	(1.260.715.366)	121.335.354
2	Tài sản cố định vô hình	1.170.239.455	0	1.170.239.455
2.1	Quyền sử dụng đất	1.170.239.455	0	1.170.239.455
	Tổng cộng	324.700.474.296	(236.657.002.076)	88.043.472.220

Nguồn: Báo cáo tài chính sau khi xử lý tài chính trước khi thực hiện XDGTĐN tại 31/12/2018

3. Thực trạng về tài chính, công nợ tại thời điểm 31/12/2018

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo Báo cáo tài chính sau khi xử lý tài chính trước khi thực hiện XDGTĐN tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

❖ **Vốn chủ sở hữu:** 359.784.047.877 đồng

Trong đó:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 359.784.047.877 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 0 đồng

❖ **Các khoản phải thu:** 1.968.999.359 đồng

- Phải thu ngắn hạn: 1.968.999.359 đồng
- Phải thu dài hạn: 0 đồng

(Tỷ lệ đối chiếu các khoản phải thu ngắn hạn là 100%)

❖ **Nợ phải trả:** 30.997.532.558 đồng

- Nợ ngắn hạn: 25.052.627.089 đồng
- Nợ dài hạn: 5.944.905.469 đồng

(Tỷ lệ đối chiếu nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn là 100%)

❖ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi:**

1.431.578.621 đồng

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2018, số dư Quỹ Khen thưởng và phúc lợi là:

- + Quỹ Khen thưởng cán bộ công nhân viên: 661.487.169 đồng
- + Quỹ Khen thưởng Ban điều hành: 311.031.250 đồng
- + Quỹ Phúc lợi: 459.060.202 đồng

Số dư Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được xử lý theo quy định tại khoản 3, Điều 19 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017: “Số dư bằng tiền của Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được tiếp tục để lại sử dụng theo chế độ quy định đối với doanh nghiệp nhà nước và được xử lý theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định này”.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017:

“1. Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng để bù đắp các khoản đã chi vượt chế độ cho người lao động (nếu có), chỉ cho người lao động theo chế độ quy định đối với doanh nghiệp nhà nước, phần còn lại chia cho người lao động đang làm việc ở doanh nghiệp theo số tháng công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa. Việc chi số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng cho người lao động được thực hiện xong trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.

2. Số dư bằng tiền của Quỹ phúc lợi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng để bù đắp các khoản đã chi vượt chế độ cho người lao động (nếu có), chỉ cho người lao động theo chế độ quy định đối với doanh nghiệp cổ phần hóa, phần còn lại chia cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên đang làm việc ở doanh nghiệp theo số tháng công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa. Việc chi số dư bằng tiền của Quỹ phúc lợi cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được thực hiện xong trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.”

Công ty TNHH MTV Phà An Giang có trách nhiệm chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng của người lao động, Quỹ phúc lợi theo quy định trên và hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Diện tích các khu đất Công ty đang quản lý, sử dụng tại thời điểm 31/12/2018

STT	Địa chỉ nhà đất	DT đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng
1	Văn phòng Công ty TNHH MTV Phà An Giang + XN Phà An Hòa. Số 360, Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên	3.104,00	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Trụ sở làm việc
2	Bến phụ Phà An Hòa (XN Phà An Hòa - bờ Chợ Mới). Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới	37.703,60	Xây dựng bến phụ An Hòa		Bến phà An Hòa
a	Khu vực bến phà	24.766,20			
b	Đường dẫn vào bến phà	12.937,40			
3	Bến phà Ô Môi. Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên.	265,40	Xây dựng bến phà Ô Môi		Bến phà Ô Môi
4	Văn phòng Xi nghiệp Phà Năng Gù. Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	175,10	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm	Trụ sở làm việc
5	Bến phà Năng Gù (bờ Phú Tân). Xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân.	7.199,20	CD (chuyên dùng). Xây dựng bến phà Năng Gù.	Thuê đất trả tiền thuê hằng năm. Thời hạn 50 năm kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2017	- Bến phà Năng Gù 5.056,6 m ² - Đất tái định cư dự án 1.000 m ² - Đất trống 1.142,6 m ²
a	Khu vực bến phà	5.056,60			
b	Đất tái định cư và đất trống	2.142,60			
6	XN Phà Thuận Giang (bờ Chợ Mới). Xã Kiến An, huyện Chợ Mới.	23.331,00	Xây dựng bến phà và đường dẫn vào bến phà Thuận Giang	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Bến phà và đường dẫn vào bến phà Thuận Giang
a	Khu vực bến phà	7.022,50			
b	Đường dẫn vào bến phà	16.308,50			
7	XN Phà Thuận Giang (bờ Phú Tân). Xã Tân Trung (xã Tân Hòa cũ), huyện Phú Tân.	26.726,00	Xây dựng bến phà và đường dẫn vào bến phà Thuận Giang	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Bến phà và đường dẫn vào bến phà Thuận Giang
a	Khu vực bến phà	9.704,80			

STT	Địa chỉ nhà đất	DT đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng
<i>b</i>	<i>Đường dẫn vào bến phà</i>	<i>17.021,20</i>			
8	Bến phà Tân An. Phường Long Châu, TX Tân Châu.	131,60	Văn phòng bến phà Tân An	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Đã bàn giao thị xã Tân Châu quản lý
9	Trạm TP. Hồ Chí Minh. Số 923, Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh.	119,00	Trụ sở làm việc		Bỏ trống
10	Bến Phà An Hòa dự phòng (bến phà cũ)	1.126,70	Xây dựng bến phà An Hòa	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Bến phà An Hòa (dự phòng)
11	Bến neo đậu và công trình giao thông, bến phụ phà An Hòa. Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới.	45.243,00	Xây dựng bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông		Bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông
12	Bến phà Ô Môi. Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên.	76,00	Xây dựng bến phà Ô Môi		Trụ sở làm việc
13	Bến phà Trà Ôn. Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên.	435,90	Xây dựng bến phà Trà Ôn		Bến phà Trà Ôn
14	Bến phà Trà Ôn. Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên.	257,30	Xây dựng bến phà Trà Ôn		Bến phà Trà Ôn
15	Xí nghiệp Phà Mương Ranh. Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành.	180,00	Bến phà Mương Ranh		Bến phà Mương Ranh
16	Xí nghiệp Phà Mương Ranh (bờ Chợ Mới). Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới.	3.179,40	Xây dựng bến phà Mương Ranh		Bến phà Mương Ranh và đường dẫn vào Bến phà
<i>a</i>	<i>Khu vực bến phà</i>	<i>1.382,30</i>			
<i>b</i>	<i>Đường dẫn vào bến phà</i>	<i>1.797,10</i>			
17	Bến phà Năng Gù. Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	516,20	Xây dựng bến phà Năng Gù		Bến phà Năng Gù
18	Văn phòng Xí nghiệp Phà Châu Giang. Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc.	114,30	Trụ sở làm việc		Trụ sở làm việc
19	Bến phà Châu Giang (bờ Châu Đốc). Phường Châu	658,40	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang

STT	Địa chỉ nhà đất	DT đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng
	Phủ B, TP. Châu Đốc				
20	Bến phà Châu Giang (bờ Tân Châu). Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.	826,90	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang
21	Bến phụ Châu Giang (bờ Châu Đốc). Phường Châu Phủ B, TP. Châu Đốc	506,60	Xây dựng Bến phụ Châu Giang		Bến phụ Châu Giang
22	Bến phụ Châu Giang (bờ Tân Châu). Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.	1.122,90	Xây dựng Bến phụ Châu Giang		Bến phụ Châu Giang
23	Bến phà Tân Châu. Phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu.	570,30	Xây dựng bến phà Tân Châu		Bến phà Tân Châu
24	Xí nghiệp Phà Tân Châu. Phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu.	6.021,40	Xây dựng bến phà Tân Châu		Đang sử dụng và tiếp tục giải phóng mặt bằng thêm để thực hiện dự án xây dựng bến phà Tân Châu.
	Tổng cộng	159.590,20			

Nguồn: Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang được trình bày chi tiết tại Phần IV Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Phương án này.

5. Thực trạng về lao động tại thời điểm 31/12/2018

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH MTV Phà An Giang là 588 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	588	100,00%
- Trên đại học	3	0,51%
- Trình độ đại học	88	14,97%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	36	6,12%
- Trình độ khác	454	77,21%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo loại hợp đồng lao động	588	100,00%
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	07	1,19%
- Hợp đồng không thời hạn	442	75,17%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	139	23,64%
- Hợp đồng thời vụ	0	0,00%
Phân theo giới tính	588	100,00%
- Nữ	137	23,30%
- Nam	451	76,70%

Danh sách lao động theo Phụ lục đính kèm.

IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/09/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quyết định về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang là ngày 31/12/2018.

2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM áp dụng phương pháp tài sản và phương pháp chiết khấu dòng cổ tức theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và hướng dẫn tại Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã tổ chức họp ngày 31/12/2019 thẩm tra Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang.

3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang:

- Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản tại thời điểm 31/12/2018 của Công ty TNHH MTV Phà An Giang là 309.434.244.081 đồng.
- Trong đó, tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Phà An Giang theo phương pháp tài sản tại thời điểm 31/12/2018 để cổ phần hóa là 278.436.711.523 đồng.

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang theo phương pháp tài sản tại thời điểm 31/12/2018 thể hiện chi tiết ở bảng sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	198.518.167.025	309.434.244.081	110.916.077.056
I	Tài sản và các khoản đầu tư dài hạn	123.445.764.427	233.029.610.738	109.583.846.311
1	Tài sản cố định	53.086.294.075	159.249.483.605	106.163.189.530
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>53.086.294.075</i>	<i>159.249.483.605</i>	<i>106.163.189.530</i>
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.318.259.635	18.225.795.000	2.907.535.365
3	Tài sản dở dang dài hạn	52.201.842.073	52.201.842.073	-
4	Chi phí trả trước dài hạn	2.839.368.644	3.352.490.060	513.121.416
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	75.072.402.598	75.109.206.342	-36.803.744
1	Tiền: + Tiền mặt tồn quỹ + Tiền gửi ngân hàng + Tiền và các khoản tương đương tiền	45.700.457.214 487.865.401 212.591.813 45.000.000.000	45.700.457.813 487.866.000 212.591.813 45.000.000.000	599 599
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.000.000.000	14.000.000.000	
3	Các khoản phải thu	1.968.999.359	2.005.802.504	36.803.145
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	11.895.731.043	11.895.731.043	
5	TSLĐ khác	1.507.214.982	1.507.214.982	
III	Giá trị lợi thế kinh doanh	-	1.295.427.001	1.295.427.00
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG, CHỜ BÀN GIAO (I+II)	192.263.413.410	192.263.413.410	
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	192.263.413.410	192.263.413.410	
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>31.194.579.662</i>	<i>31.194.579.662</i>	

STT	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	161.068.833.748	161.068.833.748	
II	Bất động sản đầu tư			
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)		390.781.580.435	501.697.657.491	110.916.077.056
<u>Trong đó:</u>				
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)		198.518.167.025	309.434.244.081	110.916.077.056
E1	NỢ PHẢI TRẢ	30.997.532.558	30.997.532.558	-
	Nợ phải trả trên sổ sách kế toán	30.997.532.558	30.997.532.558	-
E2	NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2)]		167.520.634.467	278.436.711.523	110.916.077.056

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại thời điểm XDGTĐN ngày 31/12/2018.

Căn cứ theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị sổ sách kế toán) bao gồm các hạng mục sau:

❖ Tài sản không cần dùng, chờ bàn giao cho các sở, ngành có liên quan:

a) Đối với tài sản cố định:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 45.383.631.178 đồng.
- Giá trị hao mòn lũy kế: 14.189.051.516 đồng.
- Giá trị còn lại: 31.194.579.662 đồng.

b) Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí đã đầu tư: 161.068.833.748 đồng.
- Giá trị phân bổ: 0 đồng.
- Giá trị còn lại: 161.068.833.748 đồng.

❖ Tài sản không cần dùng, bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 3.227.307.156 đồng.
- Giá trị hao mòn lũy kế: 3.227.307.156 đồng.
- Giá trị còn lại: 0 đồng.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang có trách nhiệm bàn giao tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa cho các Sở, ngành liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo quy định. Trong khi chưa bàn giao, chờ xử lý, Công ty TNHH MTV Phà An Giang có trách nhiệm tiếp tục bảo quản, không để xảy ra thất thoát tài sản của Nhà nước. Riêng đối cơ sở nhà, đất tại địa chỉ 923 đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM sẽ thực hiện chuyển giao sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

Danh sách chi tiết tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị sổ sách kế toán)

TT	Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Đã khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
1	2	3	4	5 = (3-4)
A	Tài sản không cần dùng (chờ bàn giao UBND tỉnh, UBND Tp.Long Xuyên, UBND huyện, UBND Thị Xã, Sở Giao thông vận tải)	206.452.464.926	14.189.051.516	192.263.413.410
I	Tài sản cố định hữu hình	45.383.631.178	14.189.051.516	31.194.579.662
a	Nhà cửa vật kiến trúc	40.897.757.756	9.887.270.882	31.010.486.874
1	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn	1.268.041.986	859.364.040	408.677.946
2	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn	11.882.700	7.597.521	4.285.179
3	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn	110.129.060	69.217.416	40.911.644
4	Bồi hoàn dân cư cầu Cồn Tiên bờ Thị xã Châu Đốc	20.752.448.354	-	20.752.448.354
5	Nhà chờ khách, nhà trực Phà Ô Mỏi - bờ Mỹ Long	131.060.000	131.060.000	-
6	Bờ kè bờ Mỹ Long - Phà Ô Mỏi	292.475.455	292.475.455	-
7	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	1.594.186.767	710.558.424	883.628.343
8	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	10.813.377.741	4.821.083.325	5.992.294.416
9	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	40.628.455	18.113.298	22.515.157
10	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà	39.373.636	14.665.374	24.708.262

TT	Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Đã khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
1	2	3	4	5 = (3-4)
	An Hòa			
11	Bãi chuỗi Bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	83.542.619	83.542.619	-
12	Nhà chờ khách bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	140.466.090	140.466.090	-
13	Nhà chờ khách bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	9.284.340	9.284.340	-
14	Bãi chuỗi Bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	104.502.864	104.502.864	-
15	Mố trụ cầu bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi	490.888.000	490.888.000	-
16	Xây dựng bờ kè bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi	273.798.382	273.798.382	-
17	Nhà chờ khách Bờ Mỹ Hòa Hưng - Ô Môi	42.557.273	42.557.273	-
18	Đường dẫn Bờ Mỹ Hòa Hưng - Ô Môi	412.443.350	412.443.350	-
19	Xây dựng mố trụ Bờ Mỹ Long - Ô Môi	496.263.632	496.263.632	-
20	Hệ thống thoát nước bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh	550.761.818	359.525.075	191.236.743
21	Mặt bến, cống ngang đường bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh (cống ngang đường)	185.513.773	121.099.269	64.414.504
22	Đường dẫn bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh	584.679.728	428.765.135	155.914.593
23	Đường xuống phà bờ Phú Tân - Phà Thuận Giang	1.475.743.055	-	1.475.743.055
24	Đường xuống phà bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	993.708.678	-	993.708.678
<i>b</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>4.485.873.422</i>	<i>4.301.780.634</i>	<i>184.092.788</i>
1	Vĩ quá độ Bờ Mỹ Hòa Hưng - phà Ô Môi	36.423.698	36.423.698	-
2	Làm mới ống thả neo bờ MHH-phà Ô Môi	240.994.195	56.901.407	184.092.788
3	Trụ neo 2 bờ -Phà Tân An	86.535.986	86.535.986	-
4	Trụ chống va + Vĩ quá độ bờ Mỹ Long - phà Ô Môi	224.466.635	224.466.635	-
5	Trụ chống va + Vĩ quá độ bờ Mỹ Long - phà Ô Môi	36.423.698	36.423.698	-
6	Ponton AG 13715 (V67 - 13197) - bờ Mỹ Long	1.930.514.605	1.930.514.605	-
7	Ponton AG 13716 (V67 - 13198) - bờ Mỹ Hòa Hưng	1.930.514.605	1.930.514.605	-
<i>II</i>	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>161.068.833.748</i>	<i>-</i>	<i>161.068.833.748</i>
1	Đường tỉnh lộ 944	161.068.833.748	-	161.068.833.748
<i>B</i>	<i>Tài sản không cần dùng (Bàn giao cho Công ty Mua Bán nợ Việt Nam)</i>	<i>3.227.307.156</i>	<i>3.227.307.156</i>	<i>-</i>
<i>I</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>3.227.307.156</i>	<i>3.227.307.156</i>	<i>-</i>

TT	Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Đã khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
1	2	3	4	5 = (3-4)
a	Máy móc thiết bị	111.642.646	111.642.646	-
1	Cân xe tải xách tay RW10S Phà TG	43.000.000	43.000.000	-
2	Trạm biến áp bến T.Giang PX II	68.642.646	68.642.646	-
b	Phương tiện vận tải	3.115.664.510	3.115.664.510	-
1	Tàu kéo (AG - 10437)	428.136.659	428.136.659	-
2	Phà A 25 - KG 01684	-	-	-
3	Cầu dẫn + Lễ bộ hành bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	567.196.772	567.196.772	-
4	Liên gia cường và VQĐ Bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	113.376.460	113.376.460	-
5	Thay 40 hộp sàn Bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	263.407.826	263.407.826	-
6	Cầu dẫn bờ Phú Tân - Phà Thuận Giang	1.374.939.783	1.374.939.783	-
7	Trụ chống và Bờ Long Xuyên - Phà An Hòa	338.437.976	338.437.976	-
8	Trụ chống và Bờ Long Xuyên - Phà An Hòa	30.169.034	30.169.034	-
	Tổng cộng	209.679.772.082	17.416.358.672	192.263.413.410

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của Phà An Giang tại 31/12/2018

4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

- Giá trị đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 944 tạm tính đến thời điểm ngày 30/6/2020 là 179.000.000.000 đồng. Giá trị này sẽ được tiếp tục cập nhật và bàn giao cho các sở ngành liên quan quản lý, khai thác và vận hành sau khi hoàn thành công tác kiểm toán, quyết toán dự án.
- Giá trị đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang với số tiền 25.000.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu vốn là 71,29%. Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang đã được tuyên bố giải thể theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 21/BB-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2019, theo đó các thành viên góp vốn vào công ty sẽ nhận lại phần vốn góp với tỷ lệ 72,9% giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang tại thời điểm thực hiện công bố giải thể. Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang, giá trị khoản đầu tư vào công ty con của Công ty TNHH MTV Phà An Giang đánh giá lại tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 18.225.795.000 đồng, chênh lệch giảm 6.774.205.000 đồng, sau khi bù trừ với khoản dự phòng đầu tư tài chính đã hạch toán vào kết quả kinh doanh theo sổ sách kế toán là 9.681.740.365 đồng, giá trị khoản đầu tư vào công ty con của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tăng thêm 2.907.535.365 đồng. Tuy nhiên, theo báo cáo tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang, đơn vị này còn phát sinh các khoản công nợ phải thu khó đòi chưa thể thu hồi, Công ty sẽ tiếp

tục theo dõi và thu hồi các khoản nợ tồn đọng này. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty ADI sẽ có sự điều chỉnh, và giá trị phần vốn Nhà nước sẽ được điều chỉnh tăng khi Công ty ADI thu hồi được các khoản công nợ khó đòi này.

Ngoài ra, căn cứ theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh An Giang, Công ty phải thực hiện các thủ tục bàn giao liên quan đến các tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa cho các Sở, ngành liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo quy định.

Công ty và các đơn vị liên quan phải thực hiện lập biên bản bàn giao tài sản trên đất và diện tích đất theo Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu và Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà

nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

- Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020;
- Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/09/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020;
- Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Quyết định số 02/QĐ-BCĐ ngày 26/12/2018 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Công văn số 344/UBND-KTTH ngày 24/04/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chọn tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 23/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang giai đoạn 2020 - 2024;
- Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang;
- Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 08/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt vốn điều lệ sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang;
- Chứng thư thẩm định giá số 119/2020/CTTĐG-CPAVIETNAM ngày 18/6/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM về việc xác định giá khởi điểm

phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang;

- Biên bản họp Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang ngày 30/6/2020;
- Biên bản họp Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang ngày 31/07/2020.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND tỉnh, các cơ quan ban ngành; nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo. Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần là ***"Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp"***.

2. Tên Công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG**

- Tên tiếng Anh : AN GIANG FERRY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : PHÀ AN GIANG
- Trụ sở chính : Số 360 Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 0296.3846379 - 3841919 Fax: 02963.842723
- E-mail : congtyphaangiang@gmail.com

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1. Quy mô Vốn điều lệ

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 08/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt vốn điều lệ sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang, vốn điều lệ Công ty cổ phần Phà An Giang như sau:

- Vốn điều lệ : **167.520.000.000 đồng**
(Một trăm sáu mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng)
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phần : 16.752.000 cổ phần.

3.2. Cơ cấu vốn Điều lệ

Căn cứ Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/09/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020, Công ty TNHH MTV Phà An Giang thực hiện cổ phần hóa với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2018, tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ là 64% vốn điều lệ.

Cơ cấu sở hữu cổ phần trong tổng vốn điều lệ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	10.721.280	107.212.800.000	64,00%
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	729.200	7.292.000.000	4,35%
2.1	- Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	729.200	7.292.000.000	4,35%
2.2	- Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	0	0	0,00%
3	Công đoàn Công ty	10.000	100.000.000	0,06%
4	Nhà đầu tư chiến lược	0	0	0,00%

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
5	Nhà đầu tư mua cổ phần thông qua đấu giá	5.291.520	52.915.200.000	31,59%
	Tổng cộng	16.752.000	167.520.000.000	100,00%

4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

4.1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, Công đoàn, các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá.

4.2. Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

4.2.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần: “Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; Người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác; Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cấp II (chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này” thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần)”.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (thời điểm 31/12/2018) là: 588 người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 588 người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 7.292 năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 729.200 cổ phần với tổng mệnh giá là 7.292.000.000 đồng, chiếm 4,35% vốn điều lệ công ty cổ phần.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng theo phương án đã duyệt.
- Giá bán: Được xác định bằng 60% giá trị một cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần) là **6.000 đồng/ cổ phần**.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: *"Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi"*.

Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm.

4.2.2. *Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần*

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần: *"Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau: Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Công ty không có CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này."*

4.3. *Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn*

Căn cứ theo Công văn số 11/CV-CĐCS ngày 18/03/2020 của Ban chấp hành Công đoàn Cơ sở Công ty TNHH MTV Phà An Giang, Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Phà An Giang đăng ký mua **10.000 cổ phần**, với tổng mệnh giá là 100.000.000 đồng, chiếm 0,06% vốn điều lệ công ty cổ phần.

4.4. *Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược*

Theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, đối tượng và điều kiện mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa như sau:

"a) Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có đủ các điều kiện sau:

- *Có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;*

- Có năng lực tài chính và có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần có lãi, không có lỗ lũy kế;

- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền khi đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược của doanh nghiệp cổ phần hóa về những nội dung sau:

+ Tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời gian ít nhất 03 năm kể từ thời điểm chính thức trở thành nhà đầu tư chiến lược.

Đối với các doanh nghiệp đã nằm trong danh sách doanh nghiệp đạt thương hiệu Quốc gia, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể thời gian nhà đầu tư chiến lược phải cam kết tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa.

+ Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

+ Phương án hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa trong việc chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

+ Các nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường xác định theo thiệt hại thực tế và quyền định đoạt của Nhà nước đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua khi vi phạm các cam kết đã ký

b) Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Căn cứ vào quy mô vốn điều lệ, tính chất ngành nghề kinh doanh và yêu cầu mở rộng phát triển doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và tỷ lệ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược."

Tỷ lệ cổ phần nhà nước nắm giữ tại Công ty TNHH MTV Phà An Giang sau khi cổ phần hóa là 64% vốn điều lệ, do đó, theo quy định trên, Công ty TNHH MTV Phà An Giang thuộc diện có thể bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

Tuy nhiên đến nay, không có nhà đầu tư nào bày tỏ sự quan tâm đến việc mua cổ phần theo hình thức bán cho nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa với Công ty. Để rút ngắn thời gian bán cổ phần lần đầu, Công ty kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét việc không bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược và toàn bộ số cổ phần còn lại sau khi trừ đi số cổ phần do Nhà nước nắm giữ, số cổ phần bán cho CBCNV và Công đoàn Công ty sẽ được đưa ra bán đấu giá công khai ra bên ngoài.

4.5. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá **5.291.520 cổ phần** với tổng mệnh giá là 52.915.200.000 đồng, chiếm 31,59% vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.
- Giá khởi điểm dự kiến: **16.720 đồng/cổ phần** (theo Chứng thư thẩm định giá số 119/2020/CTTĐG-CPAVIETNAM ngày 18/6/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM về việc xác định giá khởi điểm phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang và Biên bản họp Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang ngày 31/07/2020). Giá khởi điểm chính thức là giá khởi điểm được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa.
- Thời gian bắt đầu bán đấu giá (sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Phà An Giang): Dự kiến tháng 8 - 9/2020.
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá: Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, địa chỉ: Tầng 2 và Tầng 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đơn vị tổ chức bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP.
- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài hiện nay căn cứ theo khoản 2, Điều 11 Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/8/2015, Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/06/2015 quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Điểm c Khoản 3 Điều 22 Luật Đầu tư 2014. Sau khi rà soát ngành nghề, lĩnh vực đầu tư kinh doanh sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang, các ngành nghề sau: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Đóng tàu và cầu kiện nổi, Vận tải hành khách đường thủy nội địa, Giáo dục nghề nghiệp, Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư, do đó, xác định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ.

5. Loại cổ phần và phương thức phát hành

5.1. Loại cổ phần

- Tất cả cổ phần của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5.2. Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại doanh nghiệp, theo danh sách đã được phê duyệt.
- Việc bán cổ phần cho Công đoàn được thực hiện tại doanh nghiệp, theo đơn đăng ký mua cổ phần của công đoàn.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Xử lý số cổ phần không bán hết (nếu có):

Căn cứ theo quy định tại Điều 37 Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

"1. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần, số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:

a) Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã

đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

b) Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận, Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

c) Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b khoản này, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này."

6. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa và chi phí cổ phần hóa

6.1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 23/07/2019 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang là 2.256.386.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu đồng, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng), chi tiết như sau:

Khoản mục chi phí	Dự toán chi phí CPH (bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	495.500.000	
Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa	25.000.000	Tạm tính
Chi phí in ấn tài liệu	5.000.000	
Chi phí tổ chức tập huấn về thực hiện cổ phần hóa	20.000.000	
Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	60.000.000	Tạm tính
Chi phí thuê đơn vị đo vẽ hiện trạng tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và đất	50.000.000	
Chi phí phục vụ cho công tác kiểm kê	10.000.000	5 người x 200.000 đồng x 10 ngày
Chi phí lập phương án CPH, xây dựng điều lệ	10.000.000	Tạm tính
Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa	5.500.000	Tạm tính

Khoản mục chi phí	Dự toán chi phí CPH (bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp	15.000.000	Tạm tính
Chi phí thuê kiểm toán BCTC tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	70.000.000	Tạm tính
Chi cho việc tổ chức bán cổ phần	300.000.000	Tính theo quy định tại TT 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018
Chi phí tổ chức họp Đại hội cổ đông lần đầu	10.000.000	Tạm tính
Các chi phí gián tiếp liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp	480.000.000	
Chi phí thuê Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, xây dựng phương án cổ phần hóa	350.000.000	Theo công văn số 344/UBND-KTTH ngày 24/04/2019 của UBND tỉnh về việc chọn đơn vị tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp
Chi phí thuê tổ chức tư vấn Xây dựng phương án cổ phần hóa	130.000.000	
Thù lao cho Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc	964.760.000	
Chi phí thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa tạm tính (từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2020)	470.160.000	Theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ. Theo đó, thời gian thanh toán thù lao cho từng thành viên Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc theo thực tế nhưng không quá 24 tháng
Chi phí thù lao cho Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa tạm tính (từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2020)	494.600.000	
Các khoản chi phí khác có liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp	111.000.000	
Chi phí đăng ký Giấy chứng nhận kinh doanh, khắc dấu lần đầu	1.000.000	Tạm tính
Chi phí ra mắt công ty cổ phần	50.000.000	Tạm tính

Khoản mục chi phí	Dự toán chi phí CPH (bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
Chi phí quyết toán bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần	10.000.000	Tạm tính
Chi phí tổ chức các cuộc họp Tổ giúp việc	20.000.000	Tạm tính
Chi phí tổ chức các cuộc họp của Ban chỉ đạo CPH	20.000.000	Tạm tính
Chi phí khác	10.000.000	Tạm tính
Chi phí dự phòng khác	205.126.000	
Tổng cộng (I+II+III+IV)	2.256.386.000	

Chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

6.2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và mục III Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch thu tiền từ cổ phần hóa và nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 16.720 đồng/ cổ phần và giá đấu bình quân là 16.720 đồng/cổ phần, giá bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên làm việc trong KVNN là 6.000 đồng/cổ phần, giá bán cho Công đoàn Công ty là 10.000 đồng/cổ phần):

Đvt: đồng

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần (a)	167.520.000.000
2	Giá trị sổ sách phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2018 (Sau khi xử lý tài chính) (b)	167.520.634.467
3	Tiền thu từ cổ phần hoá (c)	
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV	4.375.200.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên	4.375.200.000

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
	làm việc trong khu vực Nhà nước (Giá bán 6.000 đồng/ CP)		
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần (Giá bán: 16.720 đồng/ CP)		0
3.2	Thu từ bán cho Công đoàn Công ty (Giá bán: 10.000 đồng/ CP)		100.000.000
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		0
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài (Giá bán: 16.720 đồng/ CP)		88.474.214.400
4	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e) = 0 CP*10.000	0
5	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	2.256.386.000
6	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư (từ nguồn tiền bán cổ phần)	(g)	898.928.130
7	Phần thặng dư của số cổ phần phát hành thêm	TD	0
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h) = [TD – (f) – (g)] x [(e)/(a)]	0
Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp			89.794.100.270

Công ty sẽ thực hiện chuyển tiền thu được từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài theo trình tự như sau:

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư mua qua đấu giá công khai: Công ty được chuyển tiền thu từ bán cổ phần tương ứng kinh phí giải quyết chính sách lao động dôi dư và chi phí cổ phần hóa theo dự toán đã xác định theo phương án cổ phần hóa này và Sở Giao dịch Chứng khoán chuyển toàn bộ số tiền còn lại về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền đối với các trường hợp bán thỏa thuận, bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn và người lao động thì Doanh nghiệp chuyển toàn bộ số tiền thu được về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.
- Trong thời hạn 90 ngày kể từ thời điểm cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Doanh nghiệp tự xác định số tiền phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

7. Kế hoạch đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Căn cứ khoản 8 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018: “a) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có văn bản gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán. Danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá phải có đầy đủ thông tin về họ tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ, tài khoản lưu ký, số lượng cổ phần sở hữu. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm cấp mã giao dịch cổ phần cho doanh nghiệp cổ phần hóa trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp tại Đơn đăng ký đấu giá bán cổ phần (theo phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này).

b) Căn cứ thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá. Giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch UpCoM được xác định trên cơ sở giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai.

c) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trước thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, doanh nghiệp cổ phần hóa có văn bản thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp cổ phần hóa.

d) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, trong thời hạn tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa phải nộp hồ sơ niêm yết cho Sở giao dịch chứng khoán để thực hiện niêm yết theo quy định và thông báo kết quả bán cổ phần lần đầu cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.”

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Phà An Giang chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung trên thị trường chứng khoán theo quy định.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	588
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, KTT)	07
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	581
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	442
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	139
	- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 3 tháng	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0
II	Số lao động đã nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	69
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	1
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	68
	- Hết hạn HĐLĐ	0
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	67
	- Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	1
III	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:	16
1	Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 63/2015/NĐ-CP	9
2	Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	7
IV	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	503
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	503
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:	0
	- Ốm đau	-
	- Thai sản	-

STT	Nội dung	Tổng số
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	-
	- Nghĩa vụ quân sự	-
	- Nghĩa vụ công dân khác	-
	- Bị tạm giam, tạm giữ	-
	- Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	-

Ghi chú: Khoản 1 mục III không bao gồm khoản 2, 3 mục III

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	503	100,00%
Phân theo trình độ lao động	503	100,00%
- Trên đại học	5	0,99%
- Trình độ đại học	80	15,91%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	32	6,36%
- Trình độ khác	386	76,74%
Phân theo loại hợp đồng lao động	503	100,00%
- Hợp đồng không thời hạn	480	95,43%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	23	4,57%
- Hợp đồng thời vụ	0	0,00%
Phân theo giới tính	503	100,00%
- Nữ	116	23,06%
- Nam	387	76,94%

Danh sách lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

II. KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Công ty áp dụng theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định 63/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Công ty TNHH MTV Phà An Giang có tổng

cộng 16 người lao động không bố trí được việc làm. Trong số những lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần, có 7 người lao động sẽ giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, có 2 người lao động sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP, và có 7 người lao động sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động.

III. CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang thì mức hỗ trợ người lao động dôi dư được hưởng là 1.280.123.577 đồng bao gồm:

Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi từ đủ 55 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, từ đủ 50 đến đủ 54 tuổi đối với nữ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên hưởng chính sách theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP (7 người): 732.707.429 đồng

- Hỗ trợ 03 tháng tiền lương cho mỗi năm (đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH): 445.137.429 đồng.
- Hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định cho mỗi năm làm việc có đóng BHXH: 287.570.000 đồng

(Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ – CP).

Đối tượng tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/04/1998 mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động (2 người): 166.220.701 đồng.

- Trợ cấp mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương: 0 đồng.
- Hỗ trợ một khoản tiền cho mỗi năm làm việc tại công ty thực hiện sắp xếp lại: 166.220.701 đồng, theo quy định như sau:
 - + Mức 1,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc dưới 20 năm;
 - + Mức 0,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 20 năm đến dưới 25 năm;
 - + Mức 0,2 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 25 năm trở lên.

(Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ – CP).

Đối tượng tuyển dụng lần cuối cùng kể từ ngày 21/04/1998 trở về sau mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao

động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động (7 người): 381.195.447 đồng

- Trợ cấp mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương (theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13).

(Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ – CP)

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 63/2015/NĐ – CP ngày 22/07/2015 về Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:

“1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư quy định tại Điều 3 Nghị định này và người đại diện phần vốn của công ty được quy định như sau:

a) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư từ tiền bán cổ phần lần đầu, bán doanh nghiệp; trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

b) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

c) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư từ các khoản thu theo quy định của pháp luật; trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư quy định tại Điều 4 Nghị định này và người đại diện phần vốn của công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của công ty thực hiện sắp xếp lại.”

Do đó tổng nguồn kinh phí chi trả cho người lao động dôi dư hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP là **898.928.130 đồng** từ nguồn tiền bán cổ phần lần đầu (trường hợp nếu tiền bán cổ phần lần đầu không đủ thì sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp) và nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư tuyển dụng lần cuối cùng kể từ ngày 21/04/1998 trở về sau mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ luật Lao động là **381.195.447 đồng** được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của công ty.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Ngày 12/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2724/QĐ-UBND v/v phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty TNHH MTV Phà An Giang.

Ngày 20/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 3047/QĐ-UBND về việc bổ sung Xí nghiệp Phà Tân Châu vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty TNHH MTV Phà An Giang.

Ngày 27/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 3159/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang như sau:

- Công ty tiếp tục sử dụng đất sau cổ phần hóa với diện tích là 108.791,4 m², hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.
- Công ty không có nhu cầu sử dụng điều chuyển, bàn giao lại các đơn vị khác quản lý, sử dụng với diện tích là 50.798,8 m².

Chi tiết phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang được trình bày theo 02 bảng dưới đây:

- Bảng 1: Chi tiết các khu đất Công ty tiếp tục sử dụng sau cổ phần;
- Bảng 2: Chi tiết các khu đất Công ty không có nhu cầu sử dụng (được điều chuyển, bàn giao lại các đơn vị khác quản lý, sử dụng).

BẢNG 01: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT CÔNG TY TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU CỔ PHẦN									
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Văn phòng Công ty TNHH MTV Phà An Giang + XN Phà An Hòa. Số 360, Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên	2.806,30	3.104,00	<ul style="list-style-type: none"> - Về đất 03 Giấy CNQSDĐ: + CT 05696 do Sở TNMT cấp ngày 07/12/2012 + CT 05695 do Sở TNMT cấp ngày 07/12/2012 + CT 05694 do Sở TNMT cấp ngày 07/12/2012 - Về nhà: Công văn số 2825/UBND-XDCB ngày 23/8/2007 của UBND tỉnh. 	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Trụ sở làm việc	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
2	Bến phà Phà An Hòa (XN Phà An Hòa - bờ Chợ Mới), Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới	1.511,08	24.766,20	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2654/QĐ - UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh. - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 20/12/2006 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT (DT 24.768,4 m²). - Quyết định số 1262/QĐ - UBND ngày 17/6/2009 của UBND tỉnh - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 21/4/2009 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT. - Bản đồ hiện trạng ngày 	Xây dựng bến phà An Hòa		Bến phà An Hòa	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Xây dựng bến phà An Hòa

BẢNG 01: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT CÔNG TY TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU CỐ PHẦN

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cố phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cố phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
1		3	4	5 26/7/2019 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập.	6	7	8	9	10
3	Văn phòng Xi nghiệp Phà Năng Gù, Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	218,52	175,10	GCNQSD số CT10591 ngày 14/4/2015 do Sở TNMT cấp	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Trụ sở làm việc	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Trụ sở làm việc
4	Bến phà Năng Gù (bờ Phú Tân). Xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân.	154,80	5.056,60	- GCNQSD số 00001/QSDD/Fk ngày 30/8/1998 do UBND tỉnh + hồ sơ kỹ thuật khu đất + Trang bổ sung + Trích lục hồ sơ địa chính. - Quyết định số 594/QĐ-CT.UB ngày 27/3/2000 của UBND tỉnh. + Quyết định số 748/QĐ-CT.UB ngày 10/4/2000 của UBND tỉnh. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	CD (cây viên dứng). Xây dựng bến phà Năng Gù.	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm. Thời hạn 50 năm kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2017	Bến phà Năng Gù	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Xây dựng bến phà Năng Gù
5	XN Phà Thuận Giang (bờ Chợ Mới). Xã Kiến An, huyện Chợ Mới.	271,60	7.022,50	- QĐ số 3000/QĐ-UBND ngày 12/11/1998 của UBND tỉnh - QĐ số 7023/QĐ-UBND	Xây dựng bến phà Thuận Giang	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Bến phà Thuận Giang	Thuế đất trả tiền thuế hằng năm	Xây dựng bến phà Thuận Giang

BẢNG 01: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT CÔNG TY TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU CỔ PHẦN									
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
				ngày 26/9/1997 của UBND tỉnh. - QĐ số 912/QĐ-UBND ngày 20/5/1998 của UBND tỉnh. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập					
6	XN Phà Thuận Giang (bờ Phú Tấn). Xã Tân Trung (xã Tân Hòa cũ), huyện Phú Tân.	581,80	9.704,80	- QĐ số 3001/QĐ-UBND ngày 12/11/1998 của UBND tỉnh - QĐ số 7023/QĐ-UBND ngày 26/9/1997 của UBND tỉnh - QĐ số 911/QĐ-UBND ngày 20/5/1998 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng bến phà Thuận Giang	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Bến phà Thuận Giang	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Xây dựng bến phà Thuận Giang
7	Bến Phà An Hòa dự phòng (bến phà cũ)	208,44	1.126,70	Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà An Hòa	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Bến phà An Hòa (dự phòng)	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Xây dựng bến phà An Hòa

BẢNG 01: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT CÔNG TY TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU CỐ PHẦN

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa				Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	
8	Bến neo đậu và công trình giao thông, bến phà An Hòa, Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới.		45.243,00	- QĐ số 573/QĐ-UBND ngày 04/04/2008 của UBND tỉnh - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 27/3/2008 của Văn phòng đăng ký đất và Thông tin tài nguyên môi trường. - Bản đồ hiện trạng ngày 22/7/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông		Bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông	
9	Bến phà Trà Ôn. Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên.	87,60	435,90	- CV số 2148/CV-UB ngày 19/8/2004 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà Trà Ôn		Bến phà Trà Ôn	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng bến phà Trà Ôn	
10	Bến phà Trà Ôn, Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên.	25,20	257,30	Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà Trà Ôn		Bến phà Trà Ôn	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng bến phà Trà Ôn	
11	XI nghiệp Phà Mương Ranh, Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành.		180,00	- Thông báo số 186/TB-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Bến phà Mương Ranh		Bến phà Mương Ranh	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Bến phà Mương Ranh	

BẢNG 01: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT CÔNG TY TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU CỔ PHẦN

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa				Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
12	Xí nghiệp Phà Mương Ranch (bờ Chợ Mới), Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới.	124,70	1.382,30	- TB số 85/TB-UBND ngày 03/10/2012 của UBND tỉnh - QĐ số 1518/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng bến phà Mương Ranch		Bến phà Mương Ranch	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Bến phà Mương Ranch	
13	Bến phà Năng Gù, Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	5,96	516,20	- QĐ số 991/QĐ-UBND ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh. - QĐ số 681/QĐ-UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - QĐ số 517/QĐ-CT.UB ngày 14/3/2000 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng bến phà Năng Gù		Bến phà Năng Gù	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Xây dựng bến phà Năng Gù	
14	Văn phòng Xí nghiệp Phà Châu Giang, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đức.	224,00	114,30	- QĐ số 991/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh - QĐ số 681/QĐ-UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập.	Trụ sở làm việc		Trụ sở làm việc	Thuế đất trả tiền thuế hàng năm	Trụ sở làm việc	

BẢNG 01: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT CÔNG TY TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU CỔ PHẦN

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
1		3	4	5	6	7	8	9	10
15	Bến phà Châu Giang (bờ Châu Đốc). Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc	77,30	658,40	- QĐ số 991/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh - QĐ số 681/QĐ.UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng Bến phà Châu Giang
16	Bến phà Châu Giang (bờ Tân Châu). Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.	30,50	826,90	- QĐ số 991/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của UBND tỉnh - QĐ số 681/QĐ.UB ngày 14/4/1997 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng Bến phà Châu Giang
17	Bến phụ Châu Giang (bờ Châu Đốc). Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc		506,60	- Công văn số 2088/VPUBND-ĐTĐD ngày 05/10/2012 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc mở bến phụ phà Châu Giang. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Xây dựng Bến phụ Châu Giang		Bến phụ Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng Bến phụ Châu Giang

BẢNG 01: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT CÔNG TY TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU CỐ PHẦN									
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa				Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	Bến phà Châu Giang (bờ Tân Châu). Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.		1.122,90	- Công văn số 2088/VPUBND-DTXD ngày 05/10/2012 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc mở bến phà phà Châu Giang. - Sơ đồ thửa đất bến phà phà Châu Giang - Châu Đốc số 108/12/CP ngày 30/11/2012 của Văn phòng đăng ký của UBND Tân Châu.	Xây dựng Bến phà Châu Giang		Bến phà Châu Giang	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng Bến phà Châu Giang
19	Bến phà Tân Châu. Phường Long Thành, thị xã Tân Châu.		570,30	- CV số 3273/UBND-XDCB ngày 22/10/2010 của UBND tỉnh - CV số 4684/UBND-KT ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 22/7/2019 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập	Xây dựng bến phà Tân Châu		Bến phà Tân Châu	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng bến phà Tân Châu
20	Xí nghiệp Phà Tân Châu. Phường Long Thành, thị xã Tân Châu.	281,20	6.021,40	Đất mua qua đấu giá. Chưa chuyển quyền sử dụng đất. Hiện tại đang thực hiện tiếp tục GPMB thêm để thực hiện dự án.				Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Xây dựng bến phà Tân Châu
	Tổng cộng	6.609,00	108.791,40						

BẢNG 02: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT ĐIỀU CHUYỂN, THU HỒI GIAO ĐƠN VỊ KHÁC								
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuế đất trả tiền hàng năm/đất giao...)
					6	7	8	9
1	Bến phụ Phà An Hòa (XN Phà An Hòa - bờ Chợ Mới). Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới		12.937,40	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2654/QĐ - UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh. - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 20/12/2006 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT (DT 24.768,4 m²). - Quyết định số 1262/QĐ - UBND ngày 17/6/2009 của UBND tỉnh - Bản đồ giao đất, cho thuê đất ngày 21/4/2009 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT. - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập. 	Xây dựng bến phụ An Hòa		Bến phà An Hòa	Thu hồi đường dẫn vào bến phụ An Hòa thuộc xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới

BẢNG 02: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT ĐIỀU CHUYỂN, THU HỒI GIAO ĐƠN VỊ KHÁC									
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Bến phà Ô Mội, Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên.	126,44	265,40	- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 10/10/2006 của UBND tỉnh. - Bản đồ thu hồi đất ngày 12/9/2006 của Văn phòng ĐKĐ & TTNMT	Xây dựng bến phà Ô Mội		Bến phà Ô Mội	Điều chuyển về UBND TP Long Xuyên quản lý, xử lý	
3	Bến phà Năng Gù (bờ Phú Tân), Xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân.		2.142,60	- GCNQSD số 00001/QSDĐ/FK ngày 30/8/1998 do UBND tỉnh + hồ sơ kỹ thuật khu đất + Trang bổ sung + Trích lục hồ sơ địa chính. - Quyết định số 594/QĐ-CT.UB ngày 27/3/2000 của UBND tỉnh. + Quyết định số 748/QĐ-CT.UB ngày 10/4/2000 của UBND tỉnh. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	CD (chuyên dùng). Xây dựng bến phà Năng Gù.	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Thời hạn 50 năm kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2017	- Đất tái định cư dự án 1.000 m ² - Đất trồng 1.142,6 m ²	Thu hồi, xử lý	
4	XN Phà Thuận Giang (bờ Chợ		16.308,50	- QĐ số 3000/QĐ-UBND ngày 12/11/1998 của UBND	Đường dẫn vào bến phà Thuận	Thuê đất trả tiền thuê đất	Đường dẫn vào bến phà	Thu hồi	

BẢNG 02: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT ĐIỀU CHUYỂN, THU HỒI GIAO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa				Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
	Mới). Xã Kiến An, huyện Chợ Mới.			tỉnh - QĐ số 7023/QĐ-UBND ngày 26/9/1997 của UBND tỉnh. - QĐ số 912/QĐ-UBND ngày 20/5/1998 của UBND tỉnh. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Giang	hàng năm	Thuận Giang			
5	XN Phà Thuận Giang (bờ Phà Tân). Xã Tân Trung (xã Tân Hòa cũ), huyện Phủ Tân.		17.021,20	- QĐ số 3001/QĐ-UBND ngày 12/11/1998 của UBND tỉnh - QĐ số 7023/QĐ-UBND ngày 26/9/1997 của UBND tỉnh - QĐ số 911/QĐ-UBND ngày 20/5/1998 của UBND tỉnh - Bản đồ hiện trạng ngày 26/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập	Đường dẫn vào bến phà Thuận Giang	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Đường dẫn vào bến phà Thuận Giang	Thu hồi		
6	Bến phà Tân An. Phường Long Châu, TX Tân Châu.	107,85	131,60	- GCN QSD số CT10552 ngày 02/4/2015 do Sở TNMT cấp - Biên bản Bàn giao, tiếp nhận tài sản công ngày 01/08/2019.	Văn phòng bến phà Tân An	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Đã bàn giao thị xã Tân Châu quản lý	Điều chuyển về UBND thị xã Tân Châu quản lý, xử lý		

BẢNG 02: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT ĐIỀU CHUYỂN, THU HỒI GIAO ĐƠN VỊ KHÁC									
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa				Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Trạm TP. Hồ Chí Minh. Số 923, Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh.	299,11	119,00	- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây dựng TP HCM cấp ngày 28/10/2003. - Biên bản kiểm tra hiện trạng do đại diện Bộ Tài chính chủ trì	Trụ sở làm việc		Bỏ trống	Điều chuyển về Sở Công thương tỉnh An Giang	
8	Bến phà Ô Mối. Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên.	63,20	76,00	- CV số 2148/CV-UB ngày 19/8/2004 của UBND tỉnh. - TB số 32/TB-VP ngày 08/3/2018 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Long Xuyên. - TB số 01/TB-VPUBND ngày 02/01/2018 của VP UBND tỉnh. - Bản đồ hiện trạng ngày 18/7/2019 do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh lập. - TB số 85/TB-UBND ngày 03/10/2012 của UBND tỉnh - QĐ số 1518/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh	Xây dựng bến phà Ô Mối		Trụ sở làm việc	Điều chuyển về UBND TP Long Xuyên quản lý, xử lý	
9	Xí nghiệp Phà Mương Ranh (bờ Chợ Mới). Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới.		1.797,10	- Bản đồ hiện trạng ngày	Xây dựng bến phà Mương Ranh		Đường dẫn vào Bến phà	Thu hồi	

BẢNG 02: CHI TIẾT CÁC KHU ĐẤT ĐIỀU CHUYỂN, THU HỒI GIAO ĐƠN VỊ KHÁC									
STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m ²)	DT đất (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trước cổ phần hóa			Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	
					Mục đích sử dụng đất hiện tại	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng (thuê đất trả tiền hàng năm/đất giao...)	Mục đích sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
				18/7/2019 đo Vốn phòng ĐKĐĐ tính lập					
	Tổng cộng	596,60	50.798,80						

PHẦN V: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đặt ra các mục tiêu cơ bản cho chiến lược phát triển như sau:

- Tập trung vào ngành nghề chính của Công ty là cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh; đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại đơn vị; góp phần đảm bảo vấn đề an sinh xã hội, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề hoạt động, chiến lược phát triển, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong thời kỳ mới; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp.

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Sau khi chuyển sang mô hình mới, Công ty sẽ chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ từng bước ổn định với loại hình hoạt động và quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện các kế hoạch đầu tư như:

- Đầu tư nâng cấp các bến hiện hữu, đóng mới và nâng cấp phương tiện để đảm bảo năng lực phục vụ ứng với tốc độ tăng sản lượng hành khách qua phà.
- Đầu tư nâng cấp nhà xưởng, thiết bị của Xí nghiệp Cơ khí để phục vụ các công trình đóng mới, sửa chữa, nâng cấp các phương tiện và hệ thống ponton cầu dẫn.

III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN

Công ty Cổ phần Phà An Giang dự kiến giữ nguyên các ngành nghề kinh doanh như trước khi cổ phần hóa, cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</i> <i>Chi tiết: Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy</i> <i>Chi tiết: Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy</i>	5222

STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết: Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống, ...)</i>	4210
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận tải hàng hóa và phương tiện giao thông đường bộ</i>	4933
4	Đóng tàu và cầu kiện nổi <i>Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy</i> <i>Chi tiết: Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt</i>	3011
5	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
6	Giáo dục nghề nghiệp <i>Chi tiết: Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động)</i>	8532
7	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác <i>Chi tiết: Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi</i>	4390
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết: Thu phí cầu đường</i>	5221
9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, nhớt</i>	4661
10	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, xe cơ giới, thiết bị thi công (công trình cơ khí)</i>	7730
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, bến bãi, nhà xưởng</i>	6810
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Mua bán sắt, thép, thép đóng tàu</i>	4662
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán phế liệu sắt, thép</i>	4669
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán sơn các loại</i>	4663

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phà An Giang hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc;
- Các Phòng ban chuyên trách và các đơn vị trực thuộc.

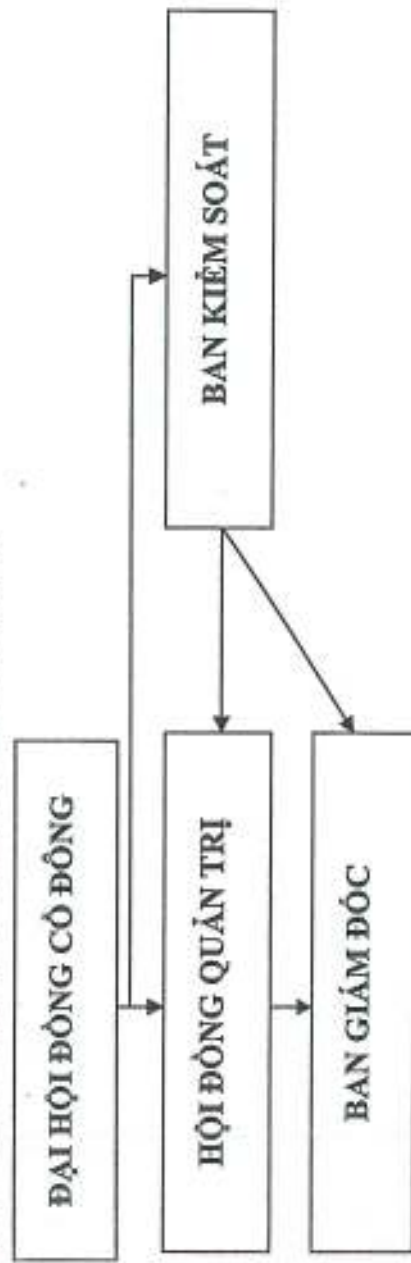
Các phòng chức năng:

- + Phòng Tổ chức - Hành chính;
- + Phòng Kế toán Tài vụ;
- + Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
- + Phòng Kỹ thuật - Vật tư;
- + Phòng Vận tải;
- + Phòng Đào tạo.

Các đơn vị trực thuộc:

- + Xí nghiệp Phà An Hòa (gồm 02 bến phà: bến phà An Hòa và bến phà Trà Ôn).
- + Xí nghiệp Phà Mương Ranh (bến phà Mương Ranh).
- + Xí nghiệp Phà Năng Gù (bến phà Năng Gù).
- + Xí nghiệp Phà Thuận Giang (bến phà Thuận Giang).
- + Xí nghiệp Phà Tân Châu (bến phà Tân Châu).
- + Xí nghiệp Phà Châu Giang (gồm 02 bến phà: bến phà Châu Giang và bến phụ phà Châu Giang).
- + Xí nghiệp Cơ khí Giao thông (01 xưởng cơ khí giao thông).
- + Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang (01 cửa hàng xăng dầu).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG



CÁC PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Kế toán Tài vụ

Phòng Kế hoạch tổng hợp

Phòng Kỹ thuật – Vật tư

Phòng Vận tải

Phòng Đào tạo

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

- Xí nghiệp Phà An Hòa (gồm 02 bến phà: bến phà An Hòa và bến phà Trà Ôn).
- Xí nghiệp Phà Mương Ranh (bến phà Mương Ranh).
- Xí nghiệp Phà Năng Gù (bến phà Năng Gù).
- Xí nghiệp Phà Thuận Giang (bến phà Thuận Giang).
- Xí nghiệp Phà Tân Châu (bến phà Tân Châu).
- Xí nghiệp Phà Châu Giang (gồm 02 bến phà: bến phà Châu Giang và bến phà phà Châu Giang).
- Xí nghiệp Cơ khí Giao thông (01 xưởng Cơ khí Giao thông).
- Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang (01 Cửa hàng Xăng dầu).

V. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2024

1.1. Giai đoạn 2020 – 2022:

- Hoàn tất công tác cơ cấu, sắp xếp lao động khối trực tiếp và thực hiện cơ cấu lại khối gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, đảm bảo phục vụ an toàn, nhanh chóng; phục vụ văn minh - ứng xử văn hóa.
- Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng nhằm thực sự chủ động trong trả lương, trả thưởng gắn với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh; bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động, qua đó thu hút lao động có trình độ cao vào làm việc.
- Tiếp tục thực hiện đầu tư nâng cấp các phương tiện phà, hệ thống ponton cầu dẫn trong toàn Công ty.
- Trong năm 2020, dự kiến hoàn thành Dự án nâng cấp ponton, cầu dẫn cho Bến phà Năng Gù; hoàn thành Dự án ĐTXD Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự (bờ Tân Châu).
- Trong năm 2021, dự kiến hoàn thành Dự án ĐTXD Bến Mương Ranh (bờ Châu Thành); Dự án nâng cấp Bến phà Trà Ôn thành bến ponton, cầu dẫn.

1.2. Giai đoạn 2023 – 2024:

- Tiếp tục phát huy ưu thế và sức mạnh của Công ty trong lĩnh vực vận chuyển phà, tập trung các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông trong tỉnh, nâng cấp phương tiện, bến bãi, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong và ngoài tỉnh đồng thời giảm gánh nặng cho ngân sách tỉnh trong công tác đầu tư phát triển giao thông, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh nhà.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị tại các đơn vị trực thuộc, rà soát, đánh giá cụ thể về các khoản chi phí trong quá trình hoạt động, nhằm xây dựng phương án khoán chi phí hoạt động cho từng đơn vị trực thuộc.
- Hợp tác, liên kết với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và vận chuyển hành khách, hàng hóa. Dự kiến trong năm 2023 đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, thành lập mới 01 bến phà dọc theo hệ thống sông Hậu hoặc sông Tiền (liên huyện hoặc liên tỉnh) theo tiêu chuẩn cấp bến phà (bến ponton - cầu dẫn).
- Đối với hoạt động của Xí nghiệp Cơ khí Giao thông: Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề của công nhân. Xây dựng và cập nhật định mức theo thực tế; đầu tư mở rộng mặt bằng, bến bãi, tìm kiếm nguồn khách

hàng từ bên ngoài, đặt mục tiêu đến hết năm 2024 Xí nghiệp Cơ khí Giao thông sẽ hoạt động theo mô hình hạch toán độc lập.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2020 - 2024

Căn cứ theo Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, kế hoạch sản xuất hoạt động kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Phà An Giang giai đoạn 2020 – 2024 dự kiến như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	Tổng doanh thu	183.100	185.183	188.246	202.196	206.833
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.100	183.183	186.846	200.846	206.133
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.500	1.500	1.200	1.000	400
3	Thu nhập khác	500	500	200	350	300
II	Tổng chi phí	182.400	183.200	186.200	199.700	203.800
1	Giá vốn hàng bán	165.535	166.051	168.855	182.199	185.894
2	Chi phí hoạt động tài chính	2.767	2.731	2.840	2.897	2.608
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.060	14.368	14.500	14.613	15.342
III	Lợi nhuận:					
1	Lợi nhuận trước thuế	700	2.000	2.000	2.500	3.000
2	Thuế TNDN	140	400	400	500	600
3	Lợi nhuận sau thuế	560	1.600	1.600	2.000	2.400
IV	Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ (**)					
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH (%)	0,3%	1,0%	1,0%	1,2%	1,4%
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	280	800	800	1.000	1.200
3	Trích quỹ khen thưởng BDH	28	80	80	100	200
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	56	160	160	200	240

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
5	Chia cổ tức	196	560	560	700	840
6	Tỷ lệ chi trả Cổ tức (%)	0,12%	0,33%	0,33%	0,42%	0,50%
V	Vốn điều lệ dự kiến	167.520	167.520	167.520	167.520	167.520

Ghi chú:

(*) Đây là số liệu dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2020. Trong đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần được tính từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2020; thời gian trước đó là kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Phà An Giang (doanh nghiệp nhà nước).

(**) Về việc phân phối lợi nhuận từ năm 2020 đến năm 2024: Đây là mức trích lập quỹ và chi trả cổ tức dự kiến, có thể bị thay đổi theo kết quả kinh doanh thực tế và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần. Riêng năm 2020, mức trích lập quỹ và chi trả cổ tức có thể thấp hơn do công ty cổ phần không hoạt động đủ năm tài chính.

VI. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

- Hoàn tất công tác cơ cấu, sắp xếp lại lao động khối trực tiếp và thực hiện cơ cấu lại khối gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả; thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, hàng hóa đảm bảo an toàn, nhanh chóng, phục vụ văn minh - ứng xử văn hóa;
- Đổi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng nhằm thực sự chủ động trong việc trả lương, trả thưởng gắn liền với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động, qua đó thu hút lao động có trình độ cao vào làm việc;
- Tiếp tục phát huy thế mạnh của doanh nghiệp trong lĩnh vực vận chuyển phà, tăng cường công tác quản trị tại các đơn vị trực thuộc, rà soát, đánh giá, phân tích về các khoản chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm xây dựng phương án khoán chi phí hoạt động cho từng đơn vị trực thuộc.

VII. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2019, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại khi phải đối mặt với nhiều thách thức, rủi ro mang tính vĩ mô.

Theo đó, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, hay các sự kiện xung đột vũ trang đang ngày càng leo thang giữa Mỹ và Iran đã khiến cho đầu tư và thương mại thế giới giảm. Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), 70% các nền kinh tế trên thế giới, trong đó hầu hết là các nước phát triển, đều rơi vào tình trạng tăng trưởng chậm lại. Mặc dù vậy, GDP Việt Nam tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% đến 6,8%. Trong khi đó, kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu tiên vượt ngưỡng 500 tỷ USD. CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm qua. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm giảm dần, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực và mức thu nhập trung bình của người lao động có xu hướng tăng.

Từ đầu năm 2020, dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) xuất hiện và bùng phát mạnh trên toàn cầu. Ngày 12/3/2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã công bố Covid-19 là đại dịch toàn cầu. Để hạn chế sự lây lan của dịch Covid-19 và giảm quá tải cho hệ thống y tế, hàng loạt các nước trên thế giới đã đóng cửa biên giới, thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội (đóng cửa trường học, đóng cửa các dịch vụ không thiết yếu, người dân được khuyến khích làm việc ở nhà...). Các biện pháp này đã tác động cực kỳ xấu đến tăng trưởng kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, làm tăng nguy cơ thiếu hụt nguyên vật liệu sản xuất. Thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các ngành hàng không, du lịch, dịch vụ... bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chính phủ các nước đều đang có các biện pháp về tiền tệ lẫn tài khóa để hỗ trợ nền kinh tế, đặc biệt là người dân và các ngành chịu ảnh hưởng nặng nề từ Covid-19.

Các biến động của nền kinh tế vĩ mô nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng có tác động trực tiếp (hoặc gián) tiếp đến Công ty TNHH MTV Phà An Giang, khi mà đơn vị là một pháp nhân đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã liên tục ghi nhận mức tăng trưởng cao trong khu vực, tuy nhiên trong dài hạn, các biến động vĩ mô và rủi ro hệ thống sẽ có sự tác động ngày càng lớn hơn đối với tăng trưởng GDP không chỉ của Việt Nam, mà còn đối với các nước khác trong khu vực. Theo đó, Dịch bệnh gần đây càng làm ảnh hưởng lớn đến du lịch, hoạt động sản xuất có thể trì trệ, người dân hạn chế đi lại rất nhiều,... vấn đề này sẽ có tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, cũng như các kế hoạch dài hạn về mở rộng của Công ty trong thời gian tới.

2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư,...). Các Luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về thời tiết

Công ty TNHH MTV Phà An Giang hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách đường thủy nội địa nên luôn chịu ảnh hưởng bởi các biến động và thay đổi của điều kiện thời tiết. Theo đó, lưu lượng dòng chảy của sông Hậu trên thực tế có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động của các bến phà trực thuộc Công ty. Vào mùa nước lên, sông Hậu có nhiều đoạn mà dòng nước chảy xiết, gây nguy hiểm đến các hoạt động giao thông đường thủy như vận tải hành khách đường thủy nội địa. Do đó, phà vận chuyển hành khách trong những khoảng thời gian này có xu hướng hạn chế tốc độ lưu thông để đề phòng việc xảy ra các rủi ro liên quan đến tai nạn giao thông đường thủy, gây thất thoát và tổn hại về người và tài sản.

3.2. Rủi ro về giá nhiên liệu

Do xăng dầu đóng vai trò là nguyên vật liệu đầu vào chính cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, nên hiệu quả kinh doanh của Công ty có thể chịu sự ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến từ những sự biến động liên quan đến giá dầu trong nước và quốc tế. Vì giá nhiên liệu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, cũng như các chính sách của Nhà nước, do đó Công ty chỉ có thể phản ứng được trước rủi ro này bằng cách điều chỉnh giá phí dịch vụ sao cho phù hợp với thị trường, nhưng việc này Công ty không tự quyết định được mà trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định là Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

3.3. Rủi ro liên quan đến các tuyến cầu đường xây mới được đưa vào khai thác

Giao thông tại các tỉnh đồng bằng sông nước miền Tây Nam Bộ từ lâu đã có sự lệ thuộc rất lớn vào hệ thống những bến đò, bến phà để qua sông. Chính điều này đã ít nhiều tạo nên những hạn chế và tiêu cực nhất định trong quá trình vận hành của các bến bãi. Theo đó, các dự án xây dựng những cây cầu bắc qua những con sông lớn để giải quyết tình trạng quá tải cho các bến phà, bến đò (đặc biệt là vào những dịp lễ, Tết) không chỉ là nguyện vọng của người dân, mà còn là mục tiêu tiên quyết đã được xác định từ năm 2010 trong kế hoạch phát triển giao thông đồng bằng sông Cửu Long của Bộ Giao thông Vận tải. Theo đó, hàng loạt những cây cầu lớn được khánh thành và đưa vào khai thác tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ như: cầu Cần Thơ, cầu Vàm Cống

bắc qua sông Hậu, cầu Cái Lớn bắc qua sông Cái Lớn, cầu Cái Bé bắc qua sông Cái Bé,... Các cây cầu được xúc tiến thực hiện, hoàn thành và đưa vào khai thác với mục đích chính nhằm: (i) tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế vùng; (ii) giúp giảm tải cho các tuyến đường Quốc lộ trọng điểm với mật độ lưu thông cao vào những dịp lễ, Tết; và (iii) tiết kiệm thời gian lưu thông của người dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ đến TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh khác trong khu vực.

Tuy nhiên, chính điều này trên thực tế có thể tiềm ẩn, trở thành một loại rủi ro đối với các Doanh nghiệp/Đơn vị/Tổ chức hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực như vận chuyển hành khách đường thủy nội địa, kinh doanh dịch vụ xăng dầu cung cấp cho tàu, thuyền và quản lý, vận hành bến phà, bến đò. Cụ thể hơn, việc một cây cầu được đưa vào khai thác sẽ dẫn đến việc các bến đò, bến phà với cùng một tuyến đường lưu thông trong khu vực đó trở nên hoạt động kém hiệu quả, hoặc thậm chí phải đóng cửa/giải thể do vắng khách (hoặc có quyết định dừng hoạt động từ Bộ Giao thông Vận tải). Do đó, mặc dù trước mắt các bến phà dưới sự quản lý, vận hành của Công ty TNHH MTV Phà An Giang vẫn hoạt động ổn định, nhưng trong tương lai, trước chủ trương tối ưu hóa, tiết kiệm thời gian lưu thông, tạo sự thuận tiện trong phát triển kinh tế vùng và giao thương giữa các tỉnh miền Tây Nam Bộ với các tỉnh, khu vực khác thì các dự án xây dựng những cây cầu tại khu vực thuộc cùng tuyến hoạt động với các bến phà của Công ty là điều có thể xảy ra, qua đó, tạo nên rủi ro đối với hoạt động kinh doanh bình thường, ổn định của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với bối cảnh kinh tế thế giới bị ảnh hưởng từ dịch Covid-19, thị trường chứng khoán Việt Nam đã giảm mạnh so với năm 2019. Nguồn cung cổ phiếu với giá rẻ trên thị trường có khá nhiều. Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty có thể sẽ gặp một số ảnh hưởng từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, các rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng, khó kiểm soát và không thể lường trước được như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh,... có thể xảy ra, mặc dù không phổ biến, nhưng gây thiệt hại lớn đến hoạt động kinh doanh của Đơn vị. Dịch bệnh Covid-19 xuất hiện từ đầu năm 2020 chính là một loại rủi ro bất khả kháng và khi xảy ra không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của con người mà còn ảnh hưởng hàng loạt đến nền kinh tế thế giới, kể cả các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Anh, Pháp, Đức...

PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

I. LỘ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	Tháng 8/2020
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài, bán cổ phần cho CBCNV, tổ chức Công đoàn	Tháng 8-10/2020 (thời gian bắt đầu thực hiện việc bán đấu giá công khai ra công chúng trước ngày 30/9/2020)
3	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, xử lý số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	Tháng 10/2020
4	UBND tỉnh An Giang quyết định cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước	Tháng 10-11/2020
5	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần	Tháng 11-12/2020
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần	Tháng 12/2020
7	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	Tháng 12/2020
8	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp GCNĐKDN, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định 126/2017/NĐ-CP để quyết toán và bàn giao cho Công ty cổ phần
9	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị công ty cổ phần	

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Đề xuất, kiến nghị

Để sớm ổn định tổ chức và kinh doanh sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang kính đề nghị UBND tỉnh An Giang và các Sở ngành tạo điều kiện thuận lợi thông qua các chính sách, quy định cụ thể:

- Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện để doanh nghiệp ổn định sau khi cổ phần hóa và phát triển lâu dài, bền vững nhằm ổn định công việc, cuộc sống cho người lao động. Qua đó, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong trường hợp không bán hết cổ phần theo Phương án, kính đề nghị UBND tỉnh An Giang ủy quyền cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa xử lý số lượng cổ phần không bán hết theo Điều 37 Nghị định 126/2017/NĐ-CP.
- Cho phép doanh nghiệp được chủ động sắp xếp lại cơ cấu bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình hoạt động của công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2. Kết luận

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo CPH;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT.

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2020
CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
CHỦ TỊCH



PHẠM CHÂU HÀ